

## **Chương XIV**

### **Phong Trào Cần Vương, 13/7/1885-27/12/1895**

Chiếu Cần Vương ngày 13/7/1885—và đặc biệt mật lệnh của Tôn Thất Thuyết kêu gọi các thân hào nhân sĩ nổi lên trừng trị giáo dân Ki-tô—khiến một phong trào "kháng Pháp, tả đạo" dậy khởi khắp nơi trong ba năm 1885 và 1888.

Phong trào này bành trướng rất nhanh từ Huế xuống hai tỉnh Nam Trực (Quảng Nam-Quảng Ngãi) rồi Bình Định, tỉnh cực bắc của Tả trực kỳ. Bắc Trực (Quảng Trị-Quảng Bình) cùng Hữu Trực Kỳ (Hà Tĩnh-Nghệ An-Thanh Hóa) phong trào Cần Vương và tả đạo cũng rất khốc liệt. Trong khi đó, tại Bắc Kỳ, chiếu Cần Vương thổi thêm luồng sinh khí cho các tổ chức vũ trang của nghĩa quân Việt đã giương cao súng, gươm, giáo mác và gây gộc kháng Pháp từ năm 1883—khởi đầu bằng tin đồn một sứ giả Thanh bị giết khi đến báo tin việc ký hòa ước Thiên Tân.

Quyết định phế bỏ Nguyễn Phước Minh và đặt Nguyễn Phước Biện lên ngôi ngày 19/9/1885 là một thủ thuật chính trị có tác dụng cao của Pháp. Thí nghiệm Nguyễn Phước Biện kẻ một đường ranh cho các quan chức Việt lựa chọn: Hoặc ngả theo Bảo hộ Pháp, đang có trong tay lá bài vương giả "thuộc dòng chính thống," hoặc chọn Nguyễn Phước Minh—mà dưới mắt quan viên tân trào đã trở thành một "chú bé hoàng gia phiêu bạt, lang thang trong rừng núi," được hai cường thần Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết đặt lên ngôi chỉ vì tham vọng quyền lực của họ. (1)

1. Xem Tuyên cáo ngày 17/9/1885 của Nguyễn Trọng Hợp, và Báo cáo ngày 4/10/1885, Courcy gửi BT Chiến tranh; SHAT (Vincennes), 10H xxx [43];

Từ Huế, Nguyễn Phước Biện cũng hơn một lần tuyên dương sự lên ngôi "cửu ngũ" chính thống của mình, khuyên những lãnh tụ văn thân nên nghĩ đến sự an nguy bản thân, suy xét kinh nghiệm Giáo thụ Nguyễn Xuân Ôn (1825-1889) phải bỏ trốn khỏi quê nhà, [chạy sang xã Qui Lại, phủ Diên Châu sau khi cùng Sơn Phòng sứ Lê Quang Nhạ "xướng nghĩa, cần vương" ở

Nghệ An], hay Thám Hoa Nguyễn Đức Đại phải về hàng Pháp; nghĩ đến trách nhiệm phụng dưỡng mẹ cha, công việc ruộng đồng; cùng thiên mệnh của Phước Biện, và lòng độ lượng cho “Xuất đế” Ứng Lịch tước Công lo việc hương hỏa Kiến Thái vương Hường Cai. (2)

2. Dụ tháng 3-4/1886; *DNTLCB*, VI, III, 37:1885-1886, 1977: 138-140; tuyên cáo tháng 6/1886, *Ibid.*, 1977:174-175 [nhị phẩm, tước nam].

Năm 1886, theo đề nghị của Tổng Trú sứ **Paul Bert** (8/4-11/11/1886) trong chuyến vào Huế trình ủy nhiệm thư, Nguyễn Phước Biện còn khoan hồng hơn nữa, hứa cho Hàm Nghi tước Tổng Trấn Hữu Trục Kỳ [Thanh-Nghệ-Tĩnh]—dù có người đặt vấn đề thực chẳng Phước Biện cho phổ biến sắc dụ này. Trên thực tế, Hoàng Kế Viêm, cựu Bắc Kỳ Đại tướng quân, được cử làm An Phủ sứ Hữu Trục Kỳ; điền vào chỗ Trần Lục mà Nguyễn Hữu Độ đã đề cử; nhưng vừa tới Hà Nội, Bert đã ngưng chức Trần Lục, theo chủ trương phân biệt giữa quốc gia [state] và giáo hội [church]. (3)

3. Dụ tháng 3-4/1886; *DNTLCB*, VI, III, 37:1885-1886, 1977: 143, & Dụ tháng 3-4/1886, V, *Ibid.*, 1977:200, 203-204.

Không ít sĩ phu còn nặng hai vai trách nhiệm "trung quân, ái quốc" quyết một sống một còn với Pháp. Bởi thế phong trào Cần Vương lại bùng nổ khắp nơi, với mức độ sắt máu hơn. Ngược lại, những thành phần liên kết với Pháp—tiêu biểu bằng giai tầng thông ngôn, lính tập và giáo sĩ Ki-tô—tìm được chính nghĩa "tôn phò" dòng chính thống nhà Nguyễn, chống lại "giặc râu dê" và gian thần Tôn Thất Thuyết, cùng bọn “phản nghịch.”

## **I. BẮC KỲ:**

Tại miền Bắc, các lực lượng chống Pháp đã nổi lên từ năm 1883. Sau biến cố 5/7/1885, Nguyễn Phước Minh cử Nguyễn (hay Ngô) Quang Bích (1830-1890) làm Kinh lược. Bích từng giữ chức án sát Sơn Tây, rồi Tuần phủ Hưng Hoá. Trong hai năm 1883-1884, “Phủ” Bích đã hợp tác chặt chẽ với Lưu Vĩnh Phúc và các đạo quân viễn chinh Thanh. Từ năm 1885, Bích hoạt động mạnh ở vùng Bắc Ninh và Hải Dương. Với chức vụ

Khâm sai, "Phủ" Bích điều hợp các lực lượng Cần Vương miền Bắc, và hai lần qua Vân Nam mua vũ khí. Trong số những cộng tác viên có cựu Bộ chính Sơn Tây Nguyễn Văn Giáp ("Bố" Giáp), từng bị truy nã vì tình nghi giết Khâm sai nhà Thanh ở Bắc Kỳ sau khi Hiệp ước Thiên Tân được công bố. Năm 1888, Bích tiếp tục chuyển vận vào nội địa một số vũ khí do Tôn Thất Thuyết gửi về. Để uy hiếp Bích, Pháp bắt mẹ ông giam, nhưng Bích vẫn không chịu khuất phục. Năm 1890, ông chết vì bệnh già. (4)

4. Trương Bửu Lâm, *Patterns of Vietnamese Response to Foreign Intervention, 1858-1900* (New Haven, Conn: Monograph Series No 11, Southeast Asia Studies, Yale Univ, 1967), p 131; *DNTLCB*, V, VII, 36: 1883-1885, 1976: 215 (Bố Giáp).

Đại cương, ở miền Bắc, các phong trào kháng Pháp có thể chia theo ba khu vực chính: châu thổ sông Hồng, miền Trung du, và vùng Thượng du. Các lãnh tụ Cần Vương nổi danh nhất có Nguyễn Thiện Thuật, hay Tân Thuật, ở Bãi Sậy, Hải Dương; Đốc Tít, ở Đông Triều, Hải Dương; Đề Kiêu ở Hưng Hoá; và, Hoàng Hoa Thám, Yên Thế, Thái Nguyên.

Tình hình miền Bắc trong thời điểm này được quyền Kinh lược sứ Nguyễn Trọng Hợp báo cáo với de Courcy vào ngày 26/9/1885 như sau:

Tại Hà Nội, hỗn loạn nhất ở hai huyện Thanh Trì và Phủ Xuyên. Hai huyện này gần Hưng Yên, bị quân giặc ở Hưng Yên xâm lấn. Tại Ninh Bình, chỉ có Phủ Nho Quan có giặc. Tại Mỹ Đức, có nhóm Quang Ly và Hiệp Vinh, cùng Vương Ngọc Châm, hoạt động tại huyện Mỹ Lương, Bất Bạt và Tông Thieu (?) thuộc tỉnh Sơn Tây.

Trong địa phận Sơn Tây, ba phủ Quốc Oai, Quảng Oai và Đoan Hùng bình yên. Xáo động nhất tại phủ Lâm Thao, các huyện Sơn Vi, Cẩm Khê và Phù Ninh. Tuần phủ [Ngô Quang] Bích, Bộ [Nguyễn Văn] Giáp và Phó lãnh [Nguyễn Tự] Như thường xuất hiện ở vùng này. Bộ Giáp đã rời huyện Thanh Ba và Hạ Hoà, tới ở làng Thanh Sơn, huyện Sơn Vi. Từ Thanh Ba và Hạ Hoà tới Quan Ti, tình thế bất an, giặc chiếm đóng, dân chúng di tản hết. Tại Bạch Hạc, phủ Vĩnh Tường, Đốc Giảng và Cai

Bang cầm đầu. Dân chúng các huyện Tam Đường, Yên Lãng và Yên Lộc—khi biết tin các nơi lân cận, như huyện Kim Anh, Bắc Ninh, đang bị giặc từ Thái Nguyên kéo xuống ngược đăi—rất lo lắng cho thân phận chính họ. Việc thiết lập đồn ở chân núi Liêm giúp dân Tam Đường thoát khỏi cảnh giặc tàn phá....

Tại Hưng Hoá, giặc "thổ" [Tày/Thái] ở các huyện Tam Nông, Thanh Sơn, và Thanh Thủy, đã dụ lại phần nào. Đường giao thông sông không được bảo đảm....

Ở Tuyên Quang, giặc rút khỏi các vùng lân cận phủ thành, và dân chúng hoàn toàn siêu tán. Tại phủ Yên Bình và châu Lục Yên cần phải được trị yên. Toàn tỉnh không được yên tĩnh. Thổ Ma ở châu Triều Hoà, Nùng ở Vân Trung do các tù trưởng cai quản.

Tại Bắc Ninh, các nhóm Cần Vương ở phủ Đa Phúc và Lạng Giang không quan trọng. Tại huyện Bảo Lương(?), Cai Tinh lo củng cố việc cai trị tại vùng rừng núi, nhưng khó thể giữ đồng đảng lâu trên núi. Ngô [Nguyễn] Quang Huy, Quán Quê ở Hưng Yên, Tán tương Thuật và Lãnh Giản ở Hải Dương liên kết thành "Tam tỉnh liên minh." Tuần phủ Lã Xuân Oai và Đề đốc Tạ Hiện cũng gia nhập Liên Minh này. Nhiều quan phủ, huyện bị đuổi khỏi thành, các xã bị bắt buộc phải cung cấp binh lính và tiếp liệu. Quán Quê chiếm cứ Bãi Sậy....

Trong lãnh thổ Thái Nguyên, từ phủ Đại Từ ngược lên hướng Bắc, giặc Thanh chiếm cứ. Những tên Lương Tam [Kỳ], ở huyện Bình Xuyên, Bang Mỹ và Phó Tam đều là những toán cướp lớn....

Nam Định thì tình hình đã yên được khoảng một năm. Các nhóm Bang Tư mới hoành hành ở vùng Kiến Xương và các huyện Thanh Quang, Chân Định đã bị đánh đuổi khỏi tỉnh.

Ở Hưng Yên, những nhóm giặc chính là Quán Quê, ở vùng Đông Yên, và Bang Tư ở phủ Tiên Hưng.

Tại Hải Dương, nhóm Tán Thuật ở Đường Hào, Lãnh Giản ở phủ Nam Sách; Bá Bào ở Ninh Giang. Nguyễn Thành Ý được cử làm Tổng đốc, nhưng chưa đến....

Tại Quảng Yên, giáp giới Hải Phòng, có những toán nhỏ, quan tỉnh có thể dẹp được.

Cao Bằng tình hình yên tĩnh. [Theo Nguyễn Trọng Hợp], khi nào Lạng Sơn yên, Cao Bằng cũng sẽ yên.(5)

5. Báo cáo ngày 26/9/1885 của Nguyễn Trọng Hiệp; SHAT (Vincennes), 10H xxx [43]. Xem thêm báo cáo tháng 4-5/1886 [tháng 3 Bính Tuất, 4/4-3/5/1886] của Hợp; *DNTLCB*, VI, I, 37:1885-1886, 1977: 145-146 [tháng 11 Ất Dậu, 6/12/1885-4/1/1886, bắt đầu thương thuyết biên giới với nhà Thanh; loạn lạc ở miền bắc]. Mỗi năm Kinh lược chỉ báo cáo một hai lần.

Trong hai tháng 10 và 11/1885, de Courcy mở nhiều cuộc hành quân tảo thanh tại châu thổ sông Hồng và trung du Bắc Kỳ.

Khoảng tháng 12/1885, tình hình Bắc Kỳ lắng dịu dần. Puginier và các giáo sĩ—với sự trợ lực của các giáo mục bản xứ như Trần Lục, hay các thông ngôn từ Nam Kỳ và An Nam tăng viện ra, như Diệp Văn Cương, Nguyễn Hữu Bài—đã thành công trong việc lôi kéo giáo dân Ki-tô ngả hẳn về phía "tân trào," công khai chống lại các tổ chức kháng Pháp; không những chỉ dưới chiêu bài "thánh chiến," mà còn nhân danh một vua "chính thống" ở Huế [Nguyễn Phước Biện], trừng phạt bọn nguy hại phản nghịch. Đó là ý chính của thư từ trao đổi giữa Trần Lục và Puginier. *Đại Nam Thực Lục* do nhóm Cao Xuân Dục biên soạn cũng dùng tiếng "Giặc Sậy" để gọi phong trào kháng Pháp của cha con Tấn Thuật và đồng chí tại khu vực sinh lầy do 18 năm vỡ đê Văn Giang liên tiếp, nhưng hiện nay đã biến dạng.(6)

6. *DNTLCB*, VI, I, 37:1885-1886, 1977: 54-55.

Sau này, Thượng thư Dục bị ép từ chức.

Tại Hà Nội, công sứ Eusèbe Parreau cho biết tình hình đã cải thiện. Một lãnh tụ quan trọng là Đốc Đại lọt vào tay Pháp. Đốc Đại nguyên là Tuần huyện (cảnh sát trưởng) Phủ Xuyên, chống Pháp từ năm 1883. Ngay đến các quan huyện thuộc Phủ Xuyên phải nể sợ, và phần nào nhắm mắt làm ngơ. Tụ tập nhiều quân lính, hoạt động trong một vùng rộng khoảng 150 cây số vuông. Pháp và lính triều đình truy kích, nhưng vẫn trốn thoát.

Sau liên kết với nhóm Bãi Sậy, tham dự cuộc nổi dậy vào tháng 10/1885. Không tham dự cuộc tấn công Thường Tín, mà dẫn quân đánh phủ Thanh Oai.(7)

7. Báo cáo ngày 14/1/1886, Courcy gửi BT Chiến tranh; SHAT (Vincennes), 10H xxx [43].

Tại Sơn Tây, công sứ Jules Auguste Robert cũng báo cáo tình hình cải thiện mỗi ngày. Robert đã lập thêm đồn Tuần Quảng.

Tại Bắc Ninh, công sứ Jean Houdayer báo cáo vào tháng 12/1885, đáng kể nhất chỉ còn nhóm Hoa phỉ Trương Đình Ban, mới tấn công làng Phương Độ thuộc Phủ Bình. Những toán ở vùng Yên Thế, bị Pháp truy đuổi rất gắt. Có tin một trong hai lãnh tụ Cần Vương dưới quyền Khâm sai Huy là Tú Cơ chết vì dịch tả.

Tại Nam Định, công sứ Jules Gouin tiết lộ ba lãnh tụ Cần Vương nổi danh nhất là Đề Đốc [Tạ Hiện] ở Diêm Hộ, Bang Tôn ở giữa Canh Môn [Canh Nông] và Phủ Biên, Quản Quế ở Bãi Sậy. Phủ Tiên Hưng vẫn nằm trong vùng ảnh hưởng của quân Cần Vương.

Tại Hải Dương, Phó Công sứ Achilles Aumoitte báo cáo Phủ Bình Giang và huyện Đường Hào yên tĩnh, có lẽ do Pháp đang hành quân. Quan chức phủ Ninh Giang vẫn phải tị nạn vì Tán Thuật và Tham Khoát. Tháng 6/1885 [1884], Tham Khoát đã giết chết Tuần huyện Vĩnh Lại. Tham Khoát có liên hệ trực tiếp với Đề Đốc Hiện. Hiện mới thoát từ Ninh Giang qua Nam Định bằng cách đi thuyền xuôi theo sông Đuống (*Canal de Bamboux*). Ninh Giang là vùng nhiều xáo trộn nhất. Quan Việt phải làm thêm nhà tù gần dinh Công sứ để giữ tù binh.

Tại cảng Hải Phòng, Phó Công sứ Théodore Aphals [Aphalo?] báo cáo chỉ còn nhóm Quản Tích hoạt động. Ngoài ra, ngày 19/12, Pháp cho lệnh bắt giữ tri phủ Kiến Thụy và Thương biện Tứ Kỳ mang về Hà Nội.

Dẫu vậy, các phong trào Cần Vương tiếp tục tồn tại cho tới thập niên 1890 mới lụi tắt hẳn ở miền Bắc. Kiệt hiệt nhất là những tổ chức sau:

**1. Nguyễn Thiện Thuật, hay Tán Thuật (1885-1892) ở vùng Bãi Sậy.**

Chiến khu này nằm trong phạm vi các huyện Văn Giang, Khoái Châu và Mỹ Hào, giáp giới Bắc Ninh. Tán

Thuật hợp đồng với các thân hào ở hạt Thanh Trì, Thanh Oai, Ứng Hòa, Thường Tín thuộc Hà Nội [sau đổi tên thành Hà Đông] để liên thủ hoạt động, sử dụng chiến thuật mà sau này thường được biết như "du kích chiến." Pháp sai Tuần phủ Cao Xuân Dục đi đánh. Tháng 10/1885, Nguyễn Quang Bích, Tuần Văn, Quản Quê ở Hưng Yên, Tán Thuật và Lãnh Giản ở Hải Dương, và Tuần phủ Lã [Lữ] Xuân Oai thành lập một "Liên minh ba tỉnh" hợp đồng đánh Pháp. Qua sự tiến cử của Nguyễn Hữu Độ, Pháp cho Hoàng Cao Khải làm Tiểu phủ sứ, chuyên lo dẹp yên "giặc Sậy." Sau ba năm chiến đấu, năm 1888 Tán Thuật phải qua Hoa Nam xin viện trợ, giao cho em (anh?) chỉ huy. Năm 1889, lực lượng Bãi Sậy suy yếu dần. Một số đầu hàng. Số khác chạy qua vùng Thái Nguyên gia nhập tổ chức của Hoàng Hoa Thám. Con trai Tán Thuật là Nguyễn Thiện Kế tiếp tục cầm cự đến năm 1890-1891 mới yên.

### ***2. Đốc Tít [Nguyễn Đức Hiệu] hoạt động tại khu Đông Triều, Hải Dương.***

Lập căn cứ ở làng Phương Diêm, huyện Gia Lộc, đông bắc tỉnh Hải Dương. Tháng 8/1885, Pháp mang một đại đội tấn công. Đốc Tít cầm cự oanh liệt, trước khi rút về căn cứ Trại Sơn, Quảng Yên. Tháng 11/1885, Pháp đánh căn cứ này. Đốc Tít phải rút về cù lao Hai Sông cầm cự cho tới năm 1889.

### ***3. Lương Tuấn Tú và Nghiêm Xuân Phương tại vùng Cao Bằng/Lạng Sơn.***

Tiểu phủ sứ Tú và Cử nhân Phương, nguyên án sát Cao Bằng, mang nghĩa quân vây thành Cao Bằng, giết chết tuần phủ, lãnh binh, biên tu kiêm thương tá, và kinh lịch. Mãi tới tháng 3/1887, Pháp mới tái chiếm được Cao Bằng.

### ***4. Tại Hà Nội có Phủ Cao, tức Cử nhân Nguyễn Cao, gốc Bắc Ninh.***

Năm 1883 Cử Cao làm Bố chính Thái Nguyên, kiêm việc đồn điền. Nhân dịp Rivière hạ thành Hà Nội, tụ hợp nghĩa quân chống Pháp. Sau hiệp ước 1884, về dạy học ở xã Kim Giang, phủ Ứng Hòa. Pháp bắt được một tờ sớ của Nguyễn (Ngô) Quang Bích tiết lộ sĩ phu Bắc Hà đang mưu khôi phục, trong đó có Phủ Cao.

Tháng 5-6/1887 [4 nhuận Đinh Hợi, 23/5-20/6/1887], Pháp sai quan Việt đi bắt. Phủ Cao dùng móng tay moi bụng, nhưng không chết. Pháp cứu chữa, nhưng Phủ Cao lại cắn lưỡi tự tử. Pháp bèn giao cho Nha Kinh lược, bắt làm án chém. Khi đưa ra pháp trường thì Phủ Cao đã tắt thở.

**5. Đèo [Điêu] Văn Trí (1848-1908), lãnh tụ sắc dân Thái ở Lai Châu.**

Sau khi quân Thanh triệt thoái Bắc Kỳ, Tổng đốc Vân Nam để lại cho Đèo Văn Trí khoảng 3,000 binh sĩ, tiếp tục chống Pháp. Tôn Thất Thuyết có liên hệ với Trí và nhờ Trí đưa qua Vân Nam đi cầu viện. Pháp phải tổ chức tới ba đạo quân tiến đánh Trí. Một thuộc hạ cũ của Trí là Nguyễn Văn Quang làm phản, ngả theo Pháp. Nhờ vậy, Pháp chiếm được Tân Uyên và Phong Thổ. Quang được cử làm trưởng đồn Phong Thổ. Đầu năm 1888, Pháp còn cử Trung tá Pernot dẫn một đạo quân truy kích Tôn Thất Thuyết ở Lai Châu, Điện Biên Phủ, Tuần Giáo và Sơn La. Mãi tới năm 1890, nhóm Pavie, Pennequin, Vacle và Lefèvre-Pontalis mới thuyết phục được Trí hàng Pháp. (8)

8. Xem thêm chi tiết trong Edmond Chabani, "Notes sur l'histoire des Haut-pays du Nord Ouest Vietnam (Lai chau, 25/5/1951); SHAT (Vincennes), 10H xxx [1040].

Con cháu Điêu Văn Trí, kể cả Điêu hay Đèo Văn Long, được Pavie đưa về Pháp huấn luyện tại Trường Thuộc Địa [Ecole Coloniale], cùng một số thiếu niên Miên và Lào, trước ngày học hiệu này được mở rộng để huấn luyện các công dân Pháp muốn trở thành công chức ngạch thuộc địa. (Năm 1911, khi vừa chân ướt chân ráo tới Pháp, từ Marseille, Nguyễn Sinh Côn—dưới tên giả Nguyễn Tất Thành—đã gửi hai lá thư cho Tổng thống và Bộ trưởng Thuộc Địa Pháp xin được vào trường Thuộc Địa, nhưng bị từ chối). (9)

9. Chúng tôi đã công bố bốn tài liệu về Nguyễn Tất Thành và Trường Thuộc Địa tại Paris từ năm 1983, tức *Một Ngôi Trường Khác Cho Nguyễn Tất Thành*, đã tuyệt bản, nên trích đăng lại trong Nguyên Vũ, *Giặc Cờ Đỏ*, tập 2. Năm 2015, cho in lại trong Vũ Nợ Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Nhục Hận*



*Biển Đông: Kiện hay Không Kiện* (Fountain Valley, CA: Hợp Lưu, 2015), tập II, tr 352-353. Ngoài ra, công bố thêm văn thư xác nhận Nguyễn Sinh Côn được nhận vào Trường **Tây TỰ Quốc Học** Huế từ ngày 7/8/1908—tức hơn ba tháng sau ngày nông dân nội dạy chống sưu thuế ở Công Lương Huế—và thừa biện bộ Lại Nguyễn Sinh Huy được cử làm Tri huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, để trấn áp “loạn đồng bào.” Ibid., tập I, tr 11 [tài liệu 2], 5-15 [Cộng Sản là từ dịch sai thuật ngữ Communism], & 24-25 [những thông tin chính xác nhất về di chúc của Nguyễn Sinh Côn]. Trường Quốc học chữ Tây này không liên hệ gì đến trường Quốc Học ở Huế, tên cũ là Khải Định, bị đổi tên từ thập niên 1950. Phó bảng Phan Chu Trinh học xong khóa huấn luyện hai [2] năm ở trường Quốc Học tiếng tây, và được bổ nhiệm chức hành tẩu bộ Lễ. Nhưng chỉ ít lâu sau, bị ngưng chức vì Khâm sứ Pháp muốn cắt giảm guồng máy quan lại truyền thống. Vũ Ngự Chiêu, “Political and Social Change,” [1984], chapter VI.

6. Ngoài ra còn có Đề Kiêu (Hoàng Văn Kiêu) ở Hưng Hóa, Hoàng Hoa Thám tức Đề Thám hoạt động ở vùng Yên Thế, Thái Nguyên.

## **II. AN NAM:**

An Nam được coi như đất khởi nghiệp của chúa Nguyễn, nên các phong trào Cần Vương khá mạnh, và kéo dài tới thập niên 1890. Chúng tôi chỉ lược kể những lãnh tụ nổi dậy và chiến đấu tới đầu năm 1889. Những hoạt động sau năm 1889 sẽ bàn đến trong chương sau.

### **A. Bắc Trục (Quảng Trị/Quảng Bình):**

Phía Bắc Huế, các tổ chức Cần Vương nổi lên khá sớm.

#### **a. Quảng Trị:**

Chính từ mật khu Tân Sở, Quảng Trị, Tôn Thất Thuyết đã mượn danh Nguyễn Phước Minh xuống Chiêu Cần Vương ngày 13/7. Hai lãnh tụ Cần Vương nổi danh nhất là Trương Đình Hội và Nguyễn Tự Như. Giáo sĩ và giáo dân phải tị nạn về Huế hay chùng viện An Ninh (gần Cửa Tùng, Quảng Tùng), và tổ chức tự

vệ. Cuối năm 1886, tinh thần Quảng Trị cho lệnh bắt giữ cha và giết anh Nguyễn Tự Như làm áp lực. Tháng 1/1887, Nguyễn Tự Như và các thuộc hạ phải đầu hàng.(8)

8. *ĐNTLCB*, VI, II, 37:1885-1886, 1977:60.

### ***b. Quảng Bình:***

Tại Quảng Bình, Nguyễn Phạm Tuân và Tiến sĩ Võ Lê Trực nổi lên vào tháng 11/1885. Vì Nguyễn Phước Minh ẩn trú trong khu vực hoạt động của Nguyễn Phạm Tuân và Lê Trực, Pháp thiết lập một hệ thống đồn bót để truy bắt, quan trọng nhất là đồn Minh Cầm. Tháng 4/1887, Nguyễn Phạm Tuân bị trưởng đồn Minh Cầm phục kích, bắn chết. Hơn một năm sau, vào tháng 12/1888 (tháng 11 Giáp Thân), sau khi Nguyễn Phước Minh bị Trương Quang Ngọc bắt nộp cho Pháp, Lê Trực mang khoảng 100 người ra hàng ở đồn Thuận Bài.

Triều thần muốn trừng phạt, nhưng Rheinart cho lệnh tha, chỉ không ban thưởng như đã hứa. (11)

11. *ĐNTLCB*, VI, XI, 38:1886-[1889], 1978:145.

## **2. Hữu Kỳ (Thanh-Nghệ-Tĩnh):**

Ba tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hoá là nơi phong trào kháng chiến Cần Vương hoạt động mạnh và cầm cự lâu dài nhất miền Trung. Trong số các lãnh tụ Cần Vương, đáng kể nhất có Phan Đình Phùng ở Nghệ An/Hà Tĩnh, Lê Ninh và Ám Võ ở Hà Tĩnh (1885), Nguyễn Xuân Ôn và Lê Doãn Nhạ ở Nghệ An và Thanh Hoá (1886).

### ***a. Phan Đình Phùng-Cao Thắng:***

Phan Đình Phùng (1847-1895) sinh tại làng Đông Thái, La Sơn, [phủ Đức Thọ] Nghệ An [sau sát nhập vào Hà Tĩnh?]. Cùng làng với Hoàng Cao Khải—một công sự viên đặc lực của Pháp. Xuất thân một gia đình khoa bảng và quan lại từ nhà Lê sang nhà Nguyễn. Cha là Phan Đình Tuyển, tri phủ Lạng Sơn. Cả bốn anh em trai—anh là Phan Đình Thuật, Phan Đình Vận, và Phan Văn Thông—đều đậu đạt và làm quan. Năm 1877, Phan Đình Phùng đậu thủ khoa cả hai kỳ thi Hội và thi Đình. Được bổ làm tri phủ Yên Khánh, Ninh Bình, nhưng bị

các giáo sĩ Ki-tô làm đơn kiện, phải giảng chức 2 cấp, triệu hồi về Huế. (12)

12. *ĐNTLCB*, VI, I, 37:1885-1886, 1977:41-2.(?) Báo cáo của Hoàng Cao Khải ngày 7/7/1894; CAOM (Aix), GGI:9619; *ĐNNTC*, q. V, Tỉnh Nghệ An, (1997), 2:209-10 [nhân vật, đời Lê] [117-222].

Theo tin đồn, Phùng nọc Thầy sáu Trần Văn Triêm tức Trần Lục [Père Six] của xã Phát Diệm ra đánh roi. Lãnh sự Hà Nội là De Kergaradec can thiệp với Trần Đình Túc, vì việc này vi phạm điều 9 Hiệp ước 15/3/1874. (13)

13. Báo cáo ngày 1/5/1879, Kergaradec gửi Lafont; Ministère des Affaires Etrangères, *Documents diplomatiques, Affaire du Tonkin*, vol I: 1874-12/1882, Document 5, p 112. [Sẽ dẫn: *DD I*]

Ngày 23/7/1883, khi Phụ chính Tường và Thuyết phé Ứng Chơn (20-23/7/1883), đưa Nguyễn Phước Thăng (30/7-29/11/1883) lên ngôi, Ngự sử Phùng phản đối, bị bắt giam 12 ngày, rồi đuổi về quê. Nhưng năm sau được cử làm Tham biện sơn phòng Hà Tĩnh. Vì việc này, các giáo sĩ, nhất là Paul Puginier, cho rằng việc cách chức Phùng chỉ là một màn kịch của Tường và Thuyết để phát động kế hoạch kháng Pháp.

Sau khi Nguyễn Phước Minh rời Huế, Phan Đình Phùng cùng Phan Văn Thông—nguyên là viên ngoại, quản đốc một chiếc tàu thủy bị cách chức—và một số thân hào như Tiến sĩ Phan Trọng Mưu (cùng làng, phó sứ sơn phòng), Phan Quang Cư (cùng tổng, viên ngoại, cựu Bộ chính Hà Tĩnh) nổi lên ở vùng Nghệ-Tĩnh. Tháng 7-8/1887, viên ngoại Thông bị bắt và xử tử.(14) Tiến sĩ Mưu và Cư tuyên bố tách ra khỏi tổ chức.

14. *ĐNTLCB*, VI, VII, 37:1885-1886, 1977:312 [Phan Văn Thông].

Phan Đình Phùng giao cho Cao Thắng giữ căn cứ Hương Khê, bí mật ra Bắc liên kết với Tán Thuật. Tháng 12/1888, quân Pháp đánh tan căn cứ Hương Khê. Cao Thắng tiếp tục duy trì lực lượng kháng chiến. Tại miền Bắc, căn cứ Bãi Sậy của Tán Thuật cũng đang bị nhóm Hoàng Cao Khải, Cao Xuân Dục vây hãm gắt

gao. Cuối cùng, Phan Đình Phùng phải trở lại vùng Nghệ An và Hà Tĩnh.

Ngày 24/12/1893, Ngự sử Phùng xử tử Trương Quang Ngọc, thủ lĩnh Mường đã bắt vua Nguyễn Phước Minh giao cho Pháp vào tháng 11/1888.

Năm 1894, theo Hoàng Cao Khải, "Phùng tóc trắng phau, không râu, mặt đen có điểm tàn nhang [*petites péroles*], một bàn tay có sáu ngón." Là người cùng làng với Phùng, đã 18 năm Khải chưa gặp Phùng. Nhà cửa Khải bị đốt phá, toàn gia hơn 40 người phải di tản ra Hà Nội, chỉ còn một nhà thờ tổ ở Vinh. Những người từ Vinh ra Hà Nội cho biết gia đình Phùng đều ở tại làng cũ. Ba năm trước, chị của Phùng, vợ một Thị lang, đã bị bắt cùng vợ Phan Trọng Mưu và mẹ Phan Quang Cư, nhưng sau đó lại phóng thích. Gần đây, Phùng và 1,000 người đã hợp tác cùng khoảng 300-400 người của Đề Mậu. Lực lượng của Phùng có căn cứ tại núi Ngàn Chay, khoảng 300 người, gồm các cấp chỉ huy như Lãnh Mục, Bang Võ, Bang Đậu (15)

15. CAOM (Aix), GGI:9619.

Báo cáo không ngày của Albert Basset ghi Phan Đình Phùng có nhiều họ hàng và bạn bè ở Huế. Trong số này có Võ Trọng Bình và Hoàng Kế Viêm, người có ảnh hưởng lớn tại Huế. Tại Hà Nội có liên hệ với Phan Trọng Mưu, Phan Quang Cư, Nguyễn Khắc Kiêu—ba Tiến sĩ đã rút về miền Bắc. (Họ đang hành nghề dạy học, nhưng thực ra là cán bộ Cần Vương cấp cao. Cùng với Tấn Thuật, Phan Trọng Mưu đã tạo nên cuộc thảm sát Chợ Bò (1891). Nghè Mưu nhiều lần tới Vinh. Năm 1893, các quan Hà Tĩnh mời Mưu cùng Nghè Kiêu và Cư đầu thú. Cả ba tuyên bố họ đã rút khỏi hàng ngũ Cần Vương và sống bình lặng ở Bắc Kỳ. Họ chưa bao giờ chính thức đầu thú.

Một tài liệu do Thám tử Samaran tịch thu được tại một đồn nghĩa quân chứng tỏ họ còn liên lạc ("đồng lõa"). Nhiều bằng sắc (brevets) ký tên và đóng dấu Phan Quang Cư. Basset đã cho lệnh bắt em của Mưu là Phan Trọng Nghi; trong khi Viện Cơ Mật cho lệnh đào hài cốt của tổ tiên Mưu. Basset đã sai Phan Trọng Nghi viết thư cho Phan Trọng Mưu và sai hai con của Mưu mang thư ra Hà Nội. Bởi thế Phan Trọng Mưu phải xin đầu thú với chính phủ Liên bang để đòi lấy sự tự do cho em [hay

anh] và hài cốt tổ tiên. Tuy nhiên, theo Basset, Mưu chưa hề nạp ấn tín và bằng sắc, và tiếp tục hoạt động.(16)

16. CAOM (Aix), Amiraux, 22318.

Tháng 2/1893, Phan Đình Phùng sai cháu là Phan Đình Nghinh (tức Chất) và Lãnh Tân qua Trung Hoa gặp Tôn Thất Thuyết cùng Đề Soạn để xin cung cấp vũ khí và đạn dược, đồng thời cấp phát bằng sắc cho những người có công. Hai người này lấy giấy tờ qua Trung Hoa tại Hà Nội. Lãnh Tân trở lại vào tháng 6 hoặc 7/1893. Tuy nhiên, Nghinh chỉ trở lại Hà Tĩnh khoảng một năm sau, tháng 6/1894, với bằng sắc của Tôn Thất Thuyết.

Phan Đình Phùng còn giao du với Đào Hữu Nga—em hay anh của Đào Ích, Tuần phủ Quảng Trị—từng tham gia nghĩa quân vào tháng 12/1893. Bị bắt, giam tại đồn Hương Sơn. Tháng 7/1894, chạy thoát khỏi nơi này trong dịp nghĩa quân tấn công. Ngày 22/11/1894, Basset thấy Đào Hữu Nga ở Chợ Phố.

Phan Đình Phùng cũng có liên lạc với các nhóm ở Lào và Xiêm. Năm 1885, nghĩa quân đã giết chết giáo sĩ Sâtre cùng vài trăm giáo dân ở Trấn Ninh, nhờ sự tiếp tay của Cờ Đen. Năm 1888, Đại úy Lafitte đã bại được toán Cờ Đen này. Phan Đình Phùng bắt đầu mở lại đường liên lạc từ Vụ Quang tới Quảng Bình, cũng như Lào. Cao Đạt, người đã xây đồn Đại Hàm, cũng gốc ở Tĩnh Di.(17) Cao Đạt biết tiếng Xiêm và thường qua Lào và Xiêm. Năm 1891, Cao Đạt từng thông dịch cho Kha Lương Xiêm Phra Yott.

17. Có lẽ nằm tại núi Đái Hàm, thuộc phía nam huyện Hương Sơn, tây nam Nghệ An; nối dài của núi Giăng Màn hay Khai Trướng; *ĐNNTC*, q V: Nghệ An (1997), tr 154-155.

Hà Tĩnh là biên giới của Đường Trong và Đường Ngoài. Qua khỏi Đèo Ngang, phong tục, tiếng nói người dân hoàn toàn thay đổi. Các vua Việt nghi ngờ dân Hà Tĩnh nên cho tới 1885-1886, lính Hà Tĩnh chẳng bao giờ được phục vụ tại tỉnh họ. Lính phục vụ ở Hà Tĩnh thường gửi từ Quảng Bình, Thanh Hoá hay Nam Định. Từ năm 1885-1886, triều Huế bắt đầu cho tuyển giữ **lính cơ** tại Hà Tĩnh. Những người này, sau một thời

gian đi lính tham gia nghĩa quân. Nhiều người luôn luôn ở hàng ngũ nghĩa quân, đặc biệt là các quân và đội. Mỗi làng đều có một người theo triều đình, một người theo nghĩa quân. Phan Đình Phùng có khoảng 1,000 tinh binh tuyển mộ từ những tiểu đoàn lạp binh [chasseur] cũ.

Cho tới năm 1889, nghĩa quân có rất ít súng bắn nhanh. Đề đốc Phát đã ăn trộm 14 súng *Mousqueton* ở Vinh. Năm 1889, bắt được súng *Spencer* ở đồn Linh Cảm và 4 súng săn của kiếm lâm. Tháng 4/1890, một đề đốc của Tổng đốc Nghệ An (Nguyễn Chính) đã xin đầu hàng sau một cuộc phục kích ở Lang Hot, nạp cho nghĩa quân 12 súng *Carabines*.

Từ ngày này, nghĩa quân bắt đầu tấn công các đồn bót để lấy súng đạn. Ngày 5/6, Đề Đạt tấn công một đoàn vận tải [convoy] gần Hà Trai, giết 7 lính cơ, thu 7 *carabines*. Sau đó Đề Mật đánh một đồn kiếm lâm ở Lang Điền, thu súng bắn nhanh và 5 hay 6 súng kiểu 1842. Đề Kiêu tấn công đồn lính cơ Qui Chu, lấy 1 súng lục của Lãnh binh, 3 *carabines* và 6 thùng đạn. Năm 1890, một đội lính cơ tiến đánh đồn Ngàn Eo, bị thiệt mạng tại đây, để lại 5, 6 súng.

Phan Đình Phùng mua súng từ Xiêm, nhưng quá đắt. Bởi thế, Phùng tuyển mộ những thợ đúc súng cùng những thợ tại các xưởng Hải quân của Pháp, qua cửa ngõ Hà Nội. Kho đúc súng của Phùng nằm trong núi, giữa Ngàn Trươi và Ngàn Phô. Núi Hà Tĩnh sản xuất sắt nhưng nghĩa quân còn mua sắt ở các nơi. Họ sửa lại các vũ khí cũ và vỏ đạn cũ của lính Pháp. Họ lấy những đại bác của Pháp bị mất hay hư hại để lấy kim loại. Từ năm 1892, các Thanh tra Haguët và Samaran phá hủy nhiều xưởng chế vũ khí của nghĩa quân. Tuy nhiên, nghĩa quân tiếp tục có thêm súng và cải thiện việc vũ trang. Nhưng đại bác khó chế biến hơn là súng bắn nhanh. Một phần ba súng tịch thu được nghi là chuyển vận vào từ Hà Nội. (18)

18. CAOM (Aix), Amiraux 11318. Năm 2016, trung tâm gang thép Hà Tĩnh Foremosa khuấy động dư luận trong một thời gian dài vì đã đổ nước thải nhiễm độc xuống biển, khiến các hải sản bốn tỉnh miền Trung bị chết. Nhiều tháng sau, Công ty Foremosa chỉ làm lễ xin lỗi và hứa bồi thường 500 triệu Mỹ Kim.

Ngày 10/6/1895, Viện Cơ Mật, dưới sự chủ tọa của Toàn quyền và Khâm sứ Brière, cử Nguyễn Thân làm Khâm mạng Đại thần cai quản bốn tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình cho tới sông Gianh, để đánh dẹp phong trào Cần Vương của Phan Đình Phùng.

Nguyễn Thân có khả năng quân sự đặc biệt, từng được thay cha là Nguyễn Tấn làm sơn phòng sứ Quảng Ngãi—nhiều năm đương đầu với các toán giặc thiểu số như « Mọi Đá Vách. » Sau khi lập công lớn đánh phá các nhóm Cần Vương, Nguyễn Thân được cử làm Kinh lược Tả Trực Kỳ, từ Bình Định vào tới Bình Thuận.

Được trao kiếm thượng phương—tiền trăm, hậu tấu—Nguyễn Thân xin đích danh Ngô Đình Khả, thượng biện Viện Cơ Mật và Chính thông ngôn tòa Khâm, tặng phái cho mình, và chọn Khả phụ trách khu tây bắc Quảng Bình, phía nam Hương Khê, nơi có nhiều họ đạo Ki-tô. Lê Tựu Khiết phụ trách phía tây Hương Khê. Ngoài ra, phía duyên hải giao cho Nguyễn Dĩnh, Nguyễn Gia Thoại và Văn Tiến Hưng. Thân sử dụng lực lượng sơn phòng Quảng Ngãi thiện chiến, dễ điều động. Một trong những lý do chính là Thân không tin tưởng các quan binh Hà Tĩnh, nổi tiếng « hai lòng. » Mặc dù không đồng ý với mắt nhìn và sự đánh giá của Thân, Khâm sứ Pháp chấp thuận mọi yêu cầu vì Thân quyết tâm chiến thắng, và có khả năng. Đại cương, Thân áp dụng chiến lược xây dựng các đồn binh liên kết nhau để phản ứng kịp thời với các cuộc tấn công bất ngờ của quân Cần Vương. Đồng thời, ra sức thanh lọc những thủ lĩnh nghĩa quân nằm vùng—thường bí mật tham gia những cuộc đánh cướp lương thực hay cung cấp tin tình báo về lính Pháp cũng như lính tập. Chiến thuật vét dầu loang này còn ngăn chặn mạng lưới tiếp vận và thu thuế của nghĩa quân.(19)

19. Báo cáo ngày 14/8/1895 của Nguyễn Thân về kế hoạch hành quân chống Phan Đình Phùng; và báo cáo ngày 15/9/1895 của Brière; CAOM (Aix), Amiraux, 22318. Xem thêm Phụ Bản Phóng đồ vị trí quân Nguyễn Thân.

Dưới áp lực của Nguyễn Thân, Phan Đình Phùng muốn đầu thú, nhưng ngày 19/12/1895, Brière không chấp thuận. Ngày 21/12/1895, nghĩa quân bị vây đánh,

thiệt hại nặng. Có tin Ngự sử Phùng bị thương. Lại có tin bị chết đuối, xác chôn trong một hốc cây. Thực ra, Phùng chết bệnh ngày 27/12/1895 tại Núi Quạt, bắc Quảng Bình (trong khu vực Ngô Đình Khả chỉ huy). Ngày 7/1/1896, Brière báo cáo sắp dẹp tan nghĩa quân của Phan Đình Phùng. (CD số 477, ngày 19/12/1895; CAOM (Aix), Amiraux, 22313)

Ngày 22/1/1896, Lê Tựu Khiết báo cáo về kết quả cuộc khám nghiệm tử thi Ngự sử Phùng. Nguyễn Thân cho chạy cò đồ báo cáo đã bắt được Phan Đình Phùng và các phụ tá. (20)

20. CAOM (Aix), Amiraux 22302, và 22313.

Ngày 14/2/1896, Khâm sứ Brière báo cáo: Sau khi đánh bại dư đảng Phan Đình Phùng, Nguyễn Thân sai Lê Tựu Khiết khai quật mộ Ngự sử Phùng lên khám nghiệm và cho các nhân chứng, kể cả Linh mục Du nhận diện, rồi đốt xác, trộn với thuốc súng bắn đi “theo tục lệ An-Nam” [đổi xử với các tội phạm]. (21)

21. Báo cáo ngày 14/2/1896, Brière gửi Toàn quyền. Tư liệu này bác bỏ tư liệu truyền khẩu đầu tên Trần Trọng Kim dẫn trong *Việt Nam Sử Lược*)

#### **b. Lê Ninh:**

Lê Ninh là con Bồ chính Lê Kiện, người La Sơn, cùng Âm [Lê] Võ hợp quân bức giữ tỉnh thành Hà Tĩnh, giết chết Bồ chính sứ Lê Đại. Nguyên Đại ngã theo Pháp, mật sức các nhà đạo dòn giáo dân lại đề phòng sai phái; lại ủy cho án sát Trịnh Văn Bưu dẫn người lên thượng du lùng bắt Nguyễn Phước Minh. Bưu cũng bị một toán nghĩa quân khác giết chết. Sau hơn một năm kháng chiến, tháng 2/1887 Lê Ninh chết bệnh. (18) Âm Võ còn phiêu lạc nhiều năm sau mới bị hại. (22)

.22. *ĐNTLCB*, VI, I, 37:1885-1886, 1977:41.

Đại sau được truy phong Tuần phủ; con được tập ấm; III, *Ibid.*, 1977:150.

#### **c. Tống Duy Tân:**

Tống Duy Tân tốt nghiệp Tiên sĩ, từng giữ chức đốc học Thanh Hoá. Sau khi Nguyễn Phước Minh xuống Chiêu Cần Vương, Nghè Tân được cử làm lãnh tụ vùng Thanh Hoá. Phụ tá có Cầm Bá Thước. Bị đạo quân của Térillon truy lùng, trốn ra Bắc, rồi qua Hoa Nam. Pháp



chiêu hàng được Cầm Bá Thước, và tháng 5/1888 phong Thước làm Bang tá nha sơn phòng Thanh Hoá, đặc trách hai châu Lương Chính và Thường Chính.(23)

23. *DNTLCB*, VI, V, 37:1885-1886, 1977:203. & X, 38:1886-[1889], 1977:86-87 [tháng 8-6/1888]..

***d. Đinh Văn Chất:***

Đinh Văn Chất, gốc Nghi Lộc, xuất thân Tiên sĩ, làm tri phủ Nghĩa Hưng. Khi thành Nam Định mất, Chất vẫn giữ vững phủ thành. Sau bị về hưu. Nay được lệnh Cần Vương, nổi lên ở Nghệ An, được phong Tấn lý. Đầu năm 1888, ra đầu thú, nhưng bị giáo dân Ki-tô giết.(24)

24. *DNTLCB*, VI, VIII, 38:1886-[1889], 1978:32-33.

***e. Nguyễn Xuân Ôn (1825-1889):***

Thường gọi là Nghè Ôn, đậu Tiên sĩ năm 1871, làm đốc học, rồi án sát. Tháng 12/1885, Nghè Ôn tổ chức đánh thành Nghệ An, nhưng thất bại vì có viện binh từ Ninh Bình. Cuối năm 1886 và đầu năm 1887, nỗ lực đánh phá các đồn bót để giải tỏa áp lực cho chiến khu Ba Đình. Tháng 5/1887, nhờ bắt được một vệ sĩ của Nghè Ôn, Pháp tấn công căn cứ bí mật ở Nghệ An. Nghè Ôn bị thương, chạy xuống phủ Diễn Châu. Sau đó bị Tri phủ Diễn Châu một đơn vị lính tập Bắc Kỳ bắt sống tại xã Qui Lại, giải về Huế, và chết bệnh hai năm sau.(25)

25. *DNTLCB*, VI, VII, 37:1885-1886, 1978:293-294, 312-313.

***f. Phạm Bành-Đình Công Tráng:***

Tại Thanh Hoá, cuộc nổi dậy gây nhiều tiếng vang nhất là nhóm Phạm Bành, Đình Công Tráng, và Hà Văn Mao.

Phạm Bành đậu Cử nhân năm 1884 và từng nắm chức Đốc học. Sau khi có chiếu Cần Vương Phạm Bành cùng Hoàng Bật Đạt nổi lên kháng Pháp. Chiến khu gồm 3 thôn Thượng Thọ, Mậu Thịnh và Mỹ Khê thuộc huyện Nga Sơn. Vì đình ba thôn trên làm dính liền nhau, nên gọi là Ba Đình.

Một trong những công sự viên đặc lực là Đinh Công Tráng. Dù không thuộc hàng khoa mục, họ Đinh chứng tỏ một khả năng quân sự cao. Lãnh tụ Cần Vương này lập nên mật khu ở sâu trong vùng rừng lầy thuộc hai xã Kim Âu và Thạch Bằng. Từ mật khu nhìn ra, quan sát được bốn phía, đường vào chỉ một độ đao xuyên qua bùn lầy sâu hai, ba thước. Những sĩ quan và tác giả đương thời Pháp bày tỏ sự ngưỡng mộ đặc biệt với Đinh Công Tráng. Theo một tác giả, Đinh Công Tráng là một tướng tài, một người của kỷ luật và thanh liêm, biết giữ gìn quân kỷ. Có viển kiến, chuyên cần, ông ta đã tổ chức được một xưởng sửa chữa và đúc súng. Biết mình, biết địch, ông ta đã lựa chọn chiến trường, đưa quân Pháp vào những cuộc phục kích. Ông ta là người của đám đông, khác với những ông quan ngạo mạn và bất lực như Trần Xuân Soạn, đại diện Thuyết ở Thanh Hoá.<sup>(26)</sup> Công sự viên đặc lực khác của Phạm Bành là Hà Văn Mao một lãnh tụ (thủ tù) Mường ở huyện Cẩm Thủy, Thanh Hoá. Năm 1884, Hà Văn Mao can án đốt giết giáo dân Ki-tô, nên kéo dân lên vùng núi lập chiến khu. Từ tháng 7/1885, dẫn quân Thanh về huyện Cẩm Thủy chống Pháp. Cuối năm 1885, quan quân Nguyễn phải sử dụng tới 1,300 binh sĩ cũng không dẹp yên, phải nhờ Pháp can thiệp.

26 [74]. *ĐNTLCB*, VI, VI, 37:1885-1886, 1977:203, 243-244; & V, 38:1886-[1889], 1977:14; Anonyme, *Une année de la guerre en Annam (1886-1887) racontée par un chef de rebelles* (Paris: Revue du cercle militaire, 1890, tr. 8-11; Phong 1971: 214, 216.

Áp dụng chiến thuật du kích chiến, với khoảng 50 thuộc hạ, Tráng thiết lập được một căn cứ tại làng Phúc Sơn... Ngày 8 tháng 9 âm lịch, lực lượng của Tráng chạm súng với Pháp hai lần, bắt đầu 17 sĩ quan và binh sĩ Pháp cùng 40 lính tập Bắc Kỳ, thu 30 súng và một chiến lợi phẩm lớn. *Ibid.*, tr. 10-11; Phong 1971, tr. 216;

Đinh Công Tráng chê trách Tổng Duy Tân, án sát Thanh Hoá, là một người "hai lòng," có liên hệ với các quan phủ huyện để hy vọng tiến thân trong tương lai. Anonyme, *op. cit.*, tr. 18-9; Phong 1971, tr. 240.

Theo Đại úy G. Masson, người tham dự trận Ba Đình, Tráng, một cựu chánh tổng, được giao chỉ huy Thanh Hoá, cũng rất tàn bạo. Khi quân Pháp tiến vào Ba Đình, tìm thấy những mảnh xác người cụt đầu tại một ngôi đình mà Đình Công Tráng cư ngụ. (27)

27. G. Masson, *Souvenirs de l'Annam et du Tonkin*, pp 218-219; Phong 1971, p 235.

Tháng 6/1886, do Nguyễn Hữu Độ yêu cầu, Đồng Khánh chuẩn cho Linh mục Trần Lục làm Tuyên phủ sứ Thanh Hoá, hàm Tham tri Bộ Lễ, lo đánh dẹp Phạm Bành và Đình Công Tráng.(28 [75])

28. *DNTLCB*, VI, III, 37:1885-1886, 1977:143.

Theo một nguồn tin, ngày 30/5/1886, sau khi tới Hà Nội nhiệm chức, Paul Bert cho lệnh chấm dứt việc dung Trần Lục. Về phản ứng của Trần Lục và Puginier, xem ASME (Paris), Võ Đức Hạnh, *La place du Catholicisme, 1870-1885*, tr. 694-5. (Trần Lục)

Ngày 18/12/1886, sau cái chết đột ngột của Paul Bert ngày 11/11/1886, và Paul Bihourd được cử lên thay chức Tổng trú sứ ngày 24/11/1886, Pháp mở cuộc hành quân đại qui mô vào chiến khu Ba Đình. Trung tá Metzinger chỉ huy cánh Tây Nam và Dodds, cánh Đông Bắc. Ngày 6/1/1887, khoảng 1,500 quân Pháp—với sự tiếp sức của 1,000 lính bản xứ, 4 chiến thuyền, và 5,000 cu-li Ki-tô do Trần Lục tuyển mộ từ Nam Định và Ninh Bình—tiến đánh Ba Đình. Quân Pháp bị thiệt hại nặng. Sau trận này, Đại tá Brissaud được cử thay Dodds để mở một đợt tấn công khác. Tổng số quân Pháp tham dự chiến dịch lên tới 3,530 người, chia làm 1,580 lính Âu và 1,950 lính bản xứ. Brissaud cũng theo kế hoạch của Đại úy J.J.C. Joffre xây một hàng rào chiến lũy bao vây Ba Đình để phong tỏa lương thực cùng các nguồn tiếp vận. Sau gần nửa tháng cầm cự, ngày 21 rạng 22/1/1887 (28 tháng Chạp), Nghĩa quân phải bỏ Ba Đình, phá vòng vây rút về Mã Cao, một căn cứ trừ bị. Pháp san thành bình địa ba làng lân cận Ba Đình. Đồng thời, đem quân truy kích, và phá vỡ căn cứ Mã Cao ngày 2/2/1887.

Phạm Bành và Đình Công Tráng kéo tàn binh lên núi. Pháp cho lệnh bắt mẹ và các con Phạm Bành uy hiếp. Phạm Bành phải đầu hàng, sau đó tự vẫn. Đình Công Tráng tẩu thoát vào Nghệ An.

Tháng 3/1887, Hà Văn Mao bị Pháp bắt, xử tử. Ngày 7/9/1887, quân Pháp phục kích và bắn chết Tham tán Tráng tại xã Chính An, phủ Tương Dương, Nghệ An. (29)

29. *ĐNTLCB*, VI, III, 37:1885-1886, 1977:102, VI, *Ibid.*, 1977:243-244, 251; & VIII, 38:1886-[1889], 1978:14;

### **3. Nam trực (Quảng-Nam/Quảng-Ngãi):**

Địa phương đầu tiên hưởng ứng hịch Cần Vương, như đã lược nhắc, là phủ Quảng Ngãi thuộc Nam Trực.<sup>(30)</sup> Ngày 13/7, một nhóm cựu quan ở Hương Bình, Bình Sơn, do Lê Trung Đình (hoặc Đĩnh) cầm đầu, tụ tập được 3,000 hương binh, chiếm thành Quảng Ngãi. Họ muốn tôn Tuy Lý huyện công Miên Trinh, con thứ 11 Nguyễn Phước Đảm, làm Phụ chính. Miên Trinh cáo bệnh không tham gia. Nguyễn Thân, Tiểu phòng sứ Quảng Ngãi và Bình Định, sai Đình Hội mang 900 biên binh tới đánh, chiếm lại được thành ngày 16/7. Mười một [11] lãnh tụ Cần vương bị giết. Thân và Hội đều được trọng thưởng và gia tăng quan chức. Sau khi rút khỏi phủ thành, và bị một đạo quân đến từ Bình Định truy kích, nhóm nghĩa quân Quảng Ngãi kéo đến những xã thôn Ki-tô lân cận, thiêu đốt nhà cửa, chém giết giáo dân.

30. Hầu hết những chi tiết trong đoạn này dựa theo báo cáo ngày 2/8/1885 và 13/9/1885, Courcy gửi BT Chiến tranh; SHAT (Vincennes), 10H xxx [21]; và, *ĐNTLCB*, V, VIII, 36: 1883-1885, 1976:237-40. Chúng tôi chỉ trưng dẫn xuất xứ tài liệu khác nếu sử dụng.

#### **a. Trần Văn Dữ:**

Cuộc khởi nghĩa của Lưu Trung Đình vừa tắt, các sĩ phu Quảng Nam lại nối tiếp nhau nổi lên. Một trong những lãnh tụ nổi danh nhất là sơn phòng sứ Trần Văn Dữ (hay Dự). Khi Lê Trung Đình dấy quân, Trần Văn Dữ cáo ốm không tiến quân đánh dẹp. Nguyễn Thân phải sai Đình Hội mang biên binh đến thành Quảng Nam. Tháng 10/1885, Trần Văn Dữ khởi nghĩa, chiếm được tỉnh thành. Quan tỉnh đều bỏ trốn. Pháp phải mang quân tới đánh. Trần Văn Dữ cho nghĩa quân phân tán đi

các phủ huyện, đánh phá các làng Ki-tô. Cầm cự với Pháp tới đầu năm 1886 thì Trần Văn Dữ phải xin hàng. Nể tình thầy cũ, Nguyễn Phước Biện chấp thuận, cho lệnh giải tán dũng binh, rồi về kinh đợi lệnh. Chưa kịp đi thì quân Pháp tới sơn phòng. Dữ ẩn náu trong đạo quân của Án sát Lê Văn Đạo, nhưng vẫn bị Pháp giết. Rồi cho lệnh bọn quan tỉnh làm án xử tử, tịch thu hết cờ biển và tài sản.

**b. *Hường Hiệu:***

Lãnh tụ Cần Vương lừng lẫy khác đất Nam Trục là *Hường Hiệu*, tức Phó bảng Nguyễn Duy Hiệu. Phó bảng *Hiệu* thu thập tàn binh của Trần Văn Dữ, lập chiến khu trong vùng Quế Sơn (phía tây Tam Kỳ). (31) Mùa Hè 1887, Nguyễn Thân được lệnh mang quân đánh dẹp. Thân cho lệnh tịch thu gia sản, ruộng đất, truy bắt được cả mẹ già và vợ con của *Hường Hiệu*. Đồng thời mở chiến dịch "chiêu hồi" kêu gọi các đầu mục nghĩa quân về hàng. Qua tháng 9/1887, Nguyễn Thân bắt được *Hường Hiệu*, chạy cờ đỏ về kinh báo tin. Mặc dù Nguyễn Phước Biện cho lệnh giải tù xa *Hường Hiệu* về Huế, Thân xử tử Phó bảng *Hiệu* ở Quảng Nam. Vợ con bị phát lạc làm nô lệ ở Quảng Ngãi và Bình Định.

31 [78]. Theo Linh mục Geffroy ở Qui Nhơn, 600 giáo dân và 3 giáo sĩ Pháp bị giết; Thư Geffroy ngày 28/9/1885, đã dẫn. Theo báo *L'Unité indochinoise*, từ ngày 14/7 tới 11/8/1885, chỉ riêng tại Quảng Ngãi 5 giáo sĩ Pháp bị cắt thủ cấp, và 10,000 giáo dân bị giết; *L'Unité indochinoise*, 11/8/1885; dẫn trong Paulin Vial, *Nos premières années au Tonkin*, pp 258-259; Nguyễn Văn Phong 1971, p 224.

**c. *Nguyễn Loan:***

Cũng tại Quảng Nam, tháng 2/1886, Nguyễn Loan—con trai của cựu Tổng đốc Nguyễn Bá Nghi, người huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi—cùng nhóm Bùi Điền và Đặng Đề ở Bình Định dẫn 3 đạo nghĩa quân tiến vào Quảng Ngãi, chiếm huyện thành Mộ Đức. Nguyễn Thân bèn chia quân chặn đánh, lấy lại được thành. Nghĩa quân phải rút về Bình Định.

**4. Tả Kỳ (Bình Định/Khánh Hòa/Bình Thuận):**

**a. Bình Định:**

Tại Bình Định, tháng 9/1885, Thủ tướng Cần Vương là Đào Doãn Địch ốm chết. Bùi Điền lên thay, xưng làm Đề đốc, lập đại đồn ở xứ Cây Da huyện Phù Mỹ. Tại Bồng Sơn, nguyên đề đốc hồi hưu là Võ Hoá lập đồn ở thôn Thanh Lương. Nghĩa quân chia ra đóng ở các tổng Vạn Đức, Trung An, Tài Lương.

Ít lâu sau, Cử nhân Mai Xuân Thường gia nhập nhóm Bùi Điền, Phạm Cương, Nguyễn Thông, Đinh Sán và Nguyễn Đức Nhuận (Phạm Toàn). Nguyễn Thân mang quân tới đánh, Mai Xuân Thường phải chạy vào Tuy An (Phú Yên) tiếp tục kháng chiến. Pháp sai Trần Bá Lộc mang đạo quân mã tà Nam Kỳ ra đánh dẹp. Khi Lộc rút về Nam, Nguyễn Thân thay. Tháng 5-6/1887 [4 nhuận Đinh Hợi, 23/5-20/6/1887], Thân bắt được Nguyễn súy Thường, Thống trấn Bùi Điền, Hiệp trấn Nguyễn Đức Nhuận cùng các phụ tá tổng cộng 11 người. Mai Xuân Thường bị lăng trì xử tử. Hai người anh em ruột và 4 anh em họ cũng đều bị chém. (32)

32. *DNTLCB*, VI, VII, 37: 1886-1887, 1977:295.

**b. Phú Yên:**

Tại Phú Yên, phía nam Bình Định, thân hào nhân sĩ chiếm tỉnh thành vào đầu tháng 10/1885. Quan tỉnh bị bắt giam, hoặc bỏ trốn. Quân Pháp tiến đánh. Quân Cần Vương phải bỏ thành, nhưng vẫn tiếp tục hoạt động mạnh. Ngay đến tri huyện Tuy Hòa, từng được thăng Án Sát vì giữ được huyện thành, cũng phải bỏ trốn vào Khánh Hòa, rồi về Quảng Ngãi.

**III. NAM KỶ:**

Tại Nam Kỳ, biến cố Huế cũng gây xúc động khắp nơi. Nhiều nhóm nhân sĩ muốn nổi dậy. Đáng chú ý nhất là âm mưu nổi dậy của Đạo Lành. Thống đốc Sài Gòn phải cho lệnh thiết quân luật và cấm dân "An Nam" nhập cảnh nếu không có giấy phép.(33 [76])

33 [76]. Đạo Lành; Nguyễn Văn Phong 1971, p 336.

Một hiện tượng đáng chú ý là hiện tượng phản loạn trong giới người Việt gốc Hoa ở miền tây Nam Lý, tiêu biểu là các cộng đồng Triều Châu ở Sóc Trăng. Các quan chức Pháp ra tay càn quét những tổ “Thiên Địa Hội” [Triad Society] có khẩu hiệu mới là “phản Dương, diệt Mãn.” (34)

#### IV. LƯƠNG-GIÁO TƯƠNG TÀN:

Một hiện tượng đáng ghi nhận trong phong trào Cần Vương là khía cạnh "Tả đạo," đưa đến những cuộc Giáo-Lương tương tàn suốt một thập niên.

Từ ngày Chủ Nhật, 26/7/1885, phong trào đánh phá các làng Ki-tô bộc phát khắp nơi. Phong trào này—nếu tin được lời chứng của Puginier—nhằm đáp ứng lời hiệu triệu "Sát Tả" của Phụ chính Thuyết sau ngày kinh thành thất thủ, mạnh nhất tại Quảng Nam, Bình Định, Quảng Trị và Hà Tĩnh.(35)

35."Notes" ngày 13/9/1886 của Puginier; CAOM (Paris), Amiraux 11782. (Bản dịch lệnh sát tả của Puginier.)

Tại Quảng Ngãi, sau khi quân Cần vương bị đánh bại, họ bèn phát động chiến dịch đánh phá các làng giáo dân Ki-tô. Hai linh mục Poirier và Garin chết. Linh mục Cam Khan(?) dẫn khoảng vài ngàn giáo dân rút lên miền núi tổ chức "thập tự quân" để tự vệ. Theo một giáo sĩ, đạo quân này chạm súng với quân Cần Vương 18 lần trên đường di tản, giết từ 150 tới 200 người, kể cả một quan to và vài lãnh tụ tên tuổi. Họ cũng thu được vài khẩu đại bác và một số tài liệu quan trọng. Khi quân lính tấn công đạo thập tự quân này, Linh mục Maillard bèn tuyển mộ thêm lính Ki-tô và yêu cầu chiến hạm *Chasseur* chở họ đến mặt trận. Hạm trưởng tàu *Chasseur* là La Gorée không cho quân Pháp đổ bộ, nhưng dùng hải pháo bắn phá quân Cần Vương, và di tản khoảng 1,000 giáo dân về Đà Nẵng.(36 [78])

Tại Bình Định, ngày Thứ Ba, 4/8, quân Cần Vương nổi lên chiếm thành và tàn sát giáo dân Ki-tô. Hôm sau, khoảng 2,000 tín đồ Ki-tô phải chạy từ Bình Định xuống Qui Nhơn, 21 cây số Nam Bình Định, xin tị nạn.(37 [79])

Đầu tháng 9/1885, phong trào đánh giết giáo dân Ki-tô tràn tới Quảng Nam, Quảng Trị rồi lan rộng khắp nơi. Tại phủ Quảng Nam, vào tháng 10/1885, khi bị quân Pháp tiến đánh, nghĩa quân của Trần Văn Dữ cũng phát động chiến dịch "Tả đạo," "cùng với dân bên Giáo thi nhau đốt nhà, giết người." (38 [80]) Hai linh mục Maillard và Bruyère (Trà Kiệu) tổ chức giáo dân tự vệ. Trong một cuộc giao tranh, lực lượng của Maillard giết chết 23 người Lương, tịch thu ba "đại bác." (39 [81]) Tại Quảng Trị, hàng ngàn giáo dân bị tàn sát, trong khi chủng viện An Ninh bị cô lập nhiều ngày. (40 [82]) Tại Quảng Bình, các giáo xứ Bồng Lai, Hoàng Trung, Câu Xá, Phong Nha cũng bị đốt phá. (41 [83])

38 [80]. *ĐNTLCB*, VI, I, 37:1885-1886, 1977:40.

39 [81]. SHAT (Vincennes), 10H xxx [2].

40 [82]. *ĐNTLCB*, VI, IV, 37:1885-1886, 1977:185.

41 [83]. *Ibid.*, IV, 37:1885-1886, 1977:186.

Vì phong trào Cần Vương là một cuộc khởi nghĩa rộng rãi trên khắp vương quốc, de Courcy và đạo quân viễn chinh phải chia ra đánh dẹp khắp nơi. Mục tiêu trọng tâm của các cuộc hành quân tại An Nam thì nhắm vào truy lùng vua Nguyễn Phước Minh và Tôn Thất Thuyết cùng các cấp chỉ huy quân sự như Trần Xuân Soạn, Tấn Thuật, Bồ Giáp, v.. v... Bởi thế, việc cứu viện cho các cộng đồng Ki-tô bị chậm trễ. Tại Quảng Trị chẳng hạn, mãi tới ngày 13/10/1885, sau khi làng đạo Ki-tô Bãi Sơn đã bị tấn công, giáo dân bị tàn sát, cánh quân của Dallier mới tới nơi. Dallier chỉ có thể cho lính đốt làng, phá hủy súng đại bác và 300 cân chất nổ của nghĩa quân, tấn công làng Trang Hien gần đó, rồi rút về Cam Lộ lúc 22G00 tối. Những trường hợp tương tự cũng xảy ra ở Nghệ An, Thanh Hoá, Bình Định, Phú Yên, và Bình Thuận.

Tại các tỉnh phía nam Huế (Nam Trực và Tả Trực Kỳ), các giáo sĩ Pháp phỏng đoán rằng khoảng 25,000 giáo dân bị giết, so với 10 giáo sĩ và 10,000 giáo dân thiệt mạng thuộc vùng Hữu-Trực kỳ. (42 [84]) Số giáo dân từ Quảng Trị tị nạn về Huế hay từ Bình Định vào Qui Nhơn lên tới hàng chục ngàn người. Giám mục



Colombert ở Sài Gòn phải dùng thuyền di tản hàng ngàn người vào Nam Kỳ. (43 [85])

\*\*\* 42 [84]. Patrick J.N. Tuck, *French Catholics Missionaries and the Politics of Imperialism in Vietnam, 1857-1914: A Documentary Survey* (London: Liverpool Univ. Press, 1987), p 206.

43 [85]. Tuck 1987, p 206.

Không có một tổng kết chính xác nào về số giáo dân bị chết. Tháng 4/1886, Colombert, Giám mục Sài Gòn, cho rằng nghĩa quân đã cắt cổ 40,000 giáo dân. (44)

44. Thư ngày 12/4/1886, Colombert gửi Lemonier (Hong-kong); ASME (Paris), Cochín. Occi., 1881-1898, vol. 759, số 212; Ibid. 214.

Tháng 9/1886, Colombert báo cáo từ Bà Rịa tới Tourane, có 25,000 bị giết, 16,000 phải di tản. (45)

45. CAOM (Aix), Amiraux 23773.

Thống đốc Filippini ở Sài Gòn cũng báo cáo vào ngày 22/8/1887 là 25,000 người trên tổng số giáo dân 6 tỉnh phía nam Huế đã bị thảm sát, tài sản bị phá hủy. (46)

46. CAOM (Aix), FOM, carton 2, A 00 (22); Cao Huy Thuần 1990, p 333, chú 36.

Eugène Louvet cho rằng trong năm 1885, khoảng 36,000 giáo dân bị giết (Bắc Đàng Trong, 12,000; Tây Đàng Trong, 24,000). (47)

47. *Les missions catholiques du XIX<sup>e</sup> siècle*, pp 158-159; Nguyễn Văn Phong 1971, p 92.

Có tác giả ghi nhận khoảng "70,000" giáo dân bị hại; Những con số này, thực ra, đã chỉ do phỏng đoán, và chép lại đây chỉ nhằm gợi ý một ấn tượng về biên độ của cuộc tương tàn. Đáng ghi nhận là không một tác giả nào nhắc đến số dân Lương bị sát hại, hay làng mạc Lương hoặc bị giáo dân đốt phá, hoặc trong chính sách tiêu thổ kháng chiến của nghĩa quân, hay liên đới trừng phạt của Pháp trong 5 năm 1885-1890.

Giống như những phong trào Văn Thân từ thập niên 1850, một trong những nguyên động lực của phong trào

Cần Vương là trừng trị và răn đe các giáo dân Ki-tô đã và đang tiếp tay quân xâm lăng. Vào thời điểm 1885, đây không còn là những lời cáo buộc vô bằng chứng nữa. Vì lý do này hay lý do khác, đa số tín đồ Ki-tô đã bị lọt vào vùng ảnh hưởng của Pháp, và một thiểu số khác—vì cuồng tín hay vì danh lợi bản thân, hoặc cả hai—tích cực hợp tác hoặc phục vụ các đạo quân viễn chinh Pháp. Trên khắp chiến trường từ Bình Thuận ra tới thượng du Bắc Kỳ, đại đa số thông sự, nho, lính tập, điền chỉ, dẫn đường cho Pháp đều là giáo dân Ki-tô. Qua thế kỷ XX, cơ quan ngôn luận của Hội Truyền Giáo Pháp còn phổ biến những lời cung văn bốn đại công thần của Bảo hộ Pháp và Hội Truyền Giáo là Lê Phát Đạt, Trần Lục, Petrus Trương Vĩnh Ký, và Trần Bá Lộc. (48) Những công thần khác, ở mức trung bình, cũng được ngợi ca không tiếc lời như Ngô Đình Khả, Nguyễn Hữu Bài, v.. v..

48. Xem, chẳng hạn, Pierre Khorat, “Les personnalités annamites catholiques;” *Annales de la Société des Missions Etrangères [ASME]* (Paris), 1913, pp 243-249.

Đạo quân viễn chinh còn phải đương đầu với một đối thủ cực kỳ nguy hiểm nữa là khí hậu và bệnh thời khí miền nhiệt đới mà khối văn sử Trung Hoa đã nhiều lần nhắc đến—như huyền thoại Mã Viện thấy điều hâu đang bay trên không là tả rơi xuống mặt nước vì lam chướng, khí độc; (2) hoặc, sự quan tâm đặc biệt của vua quan Minh trong cuộc xâm chiếm Đại Việt năm 1406-1428, hay Hoàng Lịch (Qian-long, 1735-1798) cùng các cận thần như Hòa Khôn [He Shen], Tôn Sĩ Nghị [Sun Shi-I], Phúc Khang An [Fu Kang-An] trong chiến dịch “hưng Lê” năm 1788-1789. (49)

49. Li Jie [Lê Tắc], *Annan zhi-lue [An Nam Chí Lược]* (tk XIII-XIV, truyền bản 1884), I: Cổ tích, bản dịch Chen Ching Ho [Trần Kính Hòa] et al. (Huế : Đại học Huế, 1961), [chữ Việt] tr 40, [chữ Nho] tr 25 cols 19-21. [*Ngô tại Lãng Bạc Tây lý gian, tặc vị diệt thời, hạ lạo thường vụ, độc khí huân chương, ngưỡng thị phi diên, thiếp thiếp trụy thủy trung, . . .*.] Theo dịch giả Ngô Đức Thọ, đoạn văn này dẫn từ *Hou Hanshu [Hậu Hán Thư]* của Fan Ye [Phạm Việp, 392-446], q 24: Mã Viện

truyện [*ngưỡng thị phi diên, diếp diếp truy thủy trung*]; *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (1697-1698), Ngoại Ký [ĐVSK, NKTT]*, I:17a, Thọ (2009), 1:272, 272n1. Bởi thế bốn tiếng “**Diên Chi Chi Ngung**” trong *ĐVSK, NKTT*, I, Giu (1967), 1:332 nên đọc là “**diên diếp chi ngung**” [cõi điều hâu roi] trong truyền bản *Tống Sử, Giao Chỉ truyện*, Về kẻ thù thời tiết của quân viễn chinh Pháp và Espania, xem, chú 8, cùng thư từ trao đổi giữa Rigault de Genouilly và Pierre Retord, Dominico Lefèbvre cùng các giáo sĩ với các cấp chỉ huy Pháp trong những phần sau.

3. *Ming shi-lu*, Taizong (bản dịch Wade, National Univ of Singapore data base, 2005), juan 56 :5a [22/7/1406], 67:3b-4a [26/6/1407], 103 :1b-2a [5/5/1410, 5 phương pháp tiếp vận, lưu thông tránh lam chướng]; Vũ Ngự Chiêu, “Giao Chỉ Đô thống sứ ti, 5/7/1407-2/1/1428,” trong Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Nhục Hận Biển Đông Nam Á : Kiện hay Không Kiện ?*, 2 tập (Fountainvalley, CA : Hợp Lưu, 2015), II: [5-2203].

Trước hết, các giáo sĩ Pháp và Việt không ngớt tuyên truyền và áp lực giáo dân phải "tự vệ" hoặc "phục vụ tận trào." Giám Mục Puginier là khuôn mặt tiêu biểu và quyền lực nhất trong nhóm này. Một mặt, Puginier không ngớt yêu sách, đòi hỏi các viên chức Pháp phải sử dụng giáo dân Ki-tô trong việc "bình định"—đánh dẹp những đảng "giặc", tức các tổ chức kháng chiến và nghĩa quân chống Pháp. Puginier đã không ngần ngại nói thẳng với các quan Tướng Pháp rằng chỉ có giáo dân Ki-tô mới là bạn trung thành vĩnh viễn của nước Pháp, và các viên chức Pháp phải trang bị vũ khí cho họ tự vệ. (55 [86])

55 [86]. "Notes" ngày 13/9/1886 của Puginier; CAOM (Aix), Indo, Amiraux 11782; Thư ngày 25/3/1886, Colombert gửi Lemonnier; ASME (Paris), Cochin. Occi., vol 756, số 727.

Mặt khác, Puginier cùng các đồng liêu cho lệnh giáo dân phải hợp tác với Pháp, dưới danh nghĩa "thập tự quân" bảo vệ tín ngưỡng. Một số linh mục đã đứng ra

tổ chức những đội võ trang đánh phá các căn cứ kháng chiến, hay thiết lập các nhóm tiền đạo cho quân Pháp.

Tại phía nam Huế, các linh mục Guerlach và Maillard hoặc lập nên những đội "thập tự quân" bản xứ, hoặc hướng dẫn các đơn vị Pháp đi tảo thanh những làng Lương. Các đạo thập tự quân này còn hung bạo hơn cả các cánh quân Cần Vương, khiến ngay cấp chỉ huy Pháp cũng phải nhiều lần quở trách, răn đe, hay trừng phạt. Các giáo sĩ Pháp không chịu lùi bước. Họ công khai đả kích chiến lược bình định của de Courcy cũng như các viên chức Pháp.(56 [87])

56 [87]. Thư ngày 28/9/1885, Geffroy gửi Giám mục Qui Nhơn; đã dẫn trong chú 48; Tuck 1987, pp 213-214.

Tại Nghệ An, giáo dân huyện Quỳnh Lưu đốt phá huyện lỵ và các xã thôn. Hơn một ngàn nóc nhà tại Quỳnh Đôi, Bào Hậu, bị thiêu hủy, nhiều thường dân bị chết.(57 [88]) Nhóm Linh mục Klinger tổ chức các đội võ trang "tự vệ," đánh phá các làng Lương, đốt phá chùa miếu, hy vọng tiêu hủy nền văn hoá truyền thống của người Việt, hầu "khai hoá." (58[89])

57 [88]. *ĐNTLCB*, VI, III, 37:1885-1886, 1977:105.

58 [89]. Báo cáo ngày 5/11/1896, Brière gửi Toàn quyền; CAOM (Aix), FOM, carton 8, A 20 (48); và Thư ngày 22/4/1891, Công sứ Vinh gửi Pinot; Ibid., carton 7, A 20 (35); Cao Huy Thuần, 1990, pp 446-447.(Klinger)

Tại miền Bắc, Linh mục Trần Lục (Xuân Triêm) tăng cường lực lượng "thập tự quân" tiếp tay bất cứ cuộc hành quân nào của Pháp. Một trong những công lớn của Trần Lục với chính phủ Bảo hộ là chiến thắng Ba Đình. Ngoài ra, Lục cũng cung cấp cho Pháp hàng ngàn cu-li, mật báo viên, lính tập, và viên chức hành chính. Trần Lục uy quyền đến độ được đi đứng tự nhiên trước mặt Kinh lược.(59 [90])

59 [90]. *ĐNTLCB*, VI, 37: 1885-1886, 1977:143.

Courcy và các cấp chỉ huy Pháp cố giữ trung lập trong cuộc tranh chấp tôn giáo, nên chỉ hứa mà không

võ trang cho giáo dân. Tướng Prud'homme còn khẳng định là bất cứ ai cũng không được mang vũ khí, bắt kẻ Giáo hay Lương. (60 [91]) Puginier và các giáo sĩ bèn tìm cách chuyển lậu khí giới qua ngã Hongkong và Sài Gòn.(61 [92]) Đích thân Puginier còn vận động các viên chức Pháp bắt những làng không theo đạo Ki-tô phải bồi thường thiệt hại bằng cách cắt nhượng đất đai, ruộng nương cho giáo dân. Nhiều làng đã phải cải đạo để tránh sự trả thù của Puginier và các đạo thập tự quân. (62 [93])

60 [91]. Thư Geffroy ngày 28/9/1885; đã dẫn trong chú 48.

61 [92]. Thư ngày 12/4/1886, Colombert gửi Lemonier (Hong-kong); ASME (Paris), Cochín. Occi., 1881-1898, vol. 759, số 212.

62 [93]. Xem "Notes" gửi Paul Bert của Colombert ngày 25/3/1886; ASME (Paris), Cochín. Occi., 1867-1889, vol 756, số 727; Tuck, 1987:221.

Triều đình Huế chẳng có một biện pháp nào ngoài việc ra hết Dụ này tới Dụ khác kêu gọi hai bên ngưng chém giết lẫn nhau. Vương quyền soi mòn đến độ như ngừng hiện hữu. Lòng trần tình của triều đình với Toàn quyền Paul Bihourd vào đầu năm 1887 phản ảnh tình cảnh hỗn loạn này:

Hiện nay, các tỉnh, dân lương, dân giáo, thù nhau mà các giám mục, linh mục phần nhiều che chở dân giáo, hoặc bắt dân lương bồi thường; hoặc muốn chiếm chia ruộng đất; hoặc xin chẵn cấp tiền gạo; viện thế quý quan [Pháp], quan tỉnh [Việt] không theo không được, cho nên dân lương càng quá đáng; gián hoặc có người bị bọn giặc bắt hiếp phải theo, muốn ra thú thì dân giáo nghe biết, lập tức bắt giam trách phạt, để đến nỗi sợ hãi không dám đến thú. Nhiều lần đã hiểu dụ và ngăn dẹp, tề ấy chưa hết.

Nay xin, phạm việc của dân lương, dân giáo sẽ do triều đình nước tôi xử trí. Các linh mục không được đến tỉnh cầu xin việc gì; dân giáo không được tự tiện bắt người, giam giữ và bắt ức bồi phạt, cho được cùng yên. (63)

63. *ĐNTLCB*, VI, V, 37:1885-1886, 1977:233 [233-235].(Ki-tô lộng hành)

## V. NGUYỄN PHƯỚC MINH BỊ BẮT:

Mặc dù tinh thần trung quân, ái quốc của các sĩ phu rất cao, và đa số không thiếu dũng cảm, hào hùng, họ đang lội ngược dòng nước kỹ thuật và thời gian. Sau những ngày tháng lúng túng ban đầu, lực lượng tăng viện Pháp lũ lượt kéo tới. Ngày 24/10/1885, tổng số quân Pháp lên tới 28,600 người: 22,600 tại Bắc Kỳ; 4,000 tại An Nam; và 2,000 hải quân. Nửa năm sau, ngày 22/4/1886, lực lượng viễn chinh Pháp tại Bắc và Trung Kỳ lên tới hai sư đoàn:

- Sư đoàn Bộ binh do Tướng E Jamont cầm đầu; và Đại tá Kessler làm Tham mưu trưởng. Sư đoàn này gồm ba [3] Lữ đoàn: Lữ đoàn 1 của Tướng Jamais, Lữ đoàn 2 của Thiếu tướng Mensier (vùng duyên hải Bắc Kỳ) và Lữ đoàn 3 của Thiếu tướng Munier (phụ trách vùng Huế).

- Sư đoàn Hải quân do Đại tá Beaumont chỉ huy, gồm 41 tàu chiến, đóng ở Kép. (64)

64. SHAT (Vincennes), 10H xxx [2]. Tổng số thiệt hại của Pháp trong tháng 10/1885: 454 chết bệnh (324 dịch tả, 130 các bệnh khác). Trong ba tháng 8,9, 10: mất 5,374 người (2,205 chết trận hay bệnh tật), 3069 người hồi hương.

Không kém quan trọng là sự khai sinh và phát triển của các đơn vị lính bản xứ, gồm 4 trung đoàn lính tập Bắc Kỳ mà đa số là giáo dân. Tại An Nam, các đơn vị lính tập cũng ngày một nhiều. Mặc dù khả năng chiến đấu không cao, người Pháp có nhiều lợi điểm khi sử dụng các đơn vị này. Thứ nhất, chi phí thấp, so với việc sử dụng các đơn vị chính qui Pháp. Thứ hai, lính tập quen thuộc với khí hậu khắc nghiệt nhiệt đới. Thứ ba, không có trở ngại về vấn đề ngôn ngữ với dân bản xứ.(65) Dù việc sử dụng thông ngôn bản xứ tạo nên những khó khăn nho nhỏ, nhưng đại đa số các thông ngôn đều đồng hoá quyền lợi bản thân với quyền lợi tân trào bảo hộ Pháp, coi tân trào như "bát cơm" (*bol de riz*) của dòng họ mình.(66)

65. Ngày 30/10/1885, Đại tá Brissaud cùng 3 Trung tá, 60 sĩ quan, 250 Hạ sĩ quan tới Huế để thành lập 6 tiểu đoàn lính tập tại An-Nam; Ibid.

66. Xem, chẳng hạn, thư ngày 21/8/1944, Ngô Đình Thục gửi Decoux; CAOM (Aix), PA 14, carton 2; và báo cáo của Arnoux ngày 20/8/1944 về buổi thăm vấn Ngô Đình Nhu, dẫn trong Nguyễn Vũ, *Paris Xuân 1996* (Houston: Văn Hoá, 1998), tr. 160-161.

Trong hai năm đầu, de Courcy và rồi Paul Bert uyển chuyển áp dụng chiến lược vừa đánh, vừa chiêu hồi. Từ đầu năm 1887 Pháp thay đổi chiến lược. Ảnh hưởng những lời cổ vắn của các giáo sĩ như Puginier và Colombert, cùng sự thắng tiến của giáo dân Ki-tô trong các cơ cấu chính quyền bảo hộ, khiến người Pháp bắt đầu áp dụng "luật An Nam" với các thành phần chống đối. Bất cứ làng nào nghi ngờ bắt tay với "giặc" đều bị thiêu hủy, hương chức chịu trách nhiệm. Vợ con, cha mẹ, anh em, chú bác đều biến thành "con tin" để ép buộc các lãnh tụ nghĩa quân đầu hàng. (67)

67. Mat-Gioi (Albert de Pourville), *Le Tonkin actuel (1887-1890)* (Paris: 1891), pp 259-260; Nguyễn Văn Phong, 1871, p 225.

Ngay đến các quan chức Việt cũng bị nghi là "đòn sóc hai đầu," chỉ thuận phục bề ngoài, trong khi sau lưng cố tình che chở cho các lãnh tụ Cần vương đào thoát.(68)

69. Ngay đến Hoàng Cao Khải và Cao Xuân Dục cũng bị thượng cấp Pháp đôi lần hoài nghi đã dung dưỡng Tán Thuật. Nguyễn Trọng Hợp thì bị nghi "hai mặt;" xem Báo cáo ngày 11/2/1889, Richaud gửi Bộ Thuộc Địa, p 292.

Đầu năm 1887, triều thần Huế than thở với Tân Toàn quyền (?) Constans [?]:

Quan viên nước tôi như tổng đốc tuần phủ, bố chính, án sát, đều là quan to, các viên phủ huyện cũng là người cai trị dân, như người có lỗi đáng đối, cách phải chiếu theo điều ước do triều đình nước tôi tâu xin chuẩn cho định đoạt, thế mà gần đây như tuần phủ Ninh Bình là Đồng Sĩ Vĩnh, tri phủ là Trần Bạch Lân, bọn tri huyện là Nguyễn Huy Trác năm viên, can phải việc gì chưa thấy tư trả lời, thế mà quý quan hoặc tự bắt giam tra xét, hoặc nghị xử tội

lưu, tội trăm, không những chiêu điều ước trước không đúng; mà đương lúc trong Nam ngoài Bắc chưa yên này, lòng người chưa vững, quan lại bỏ đặt dễ dàng như thế, e rằng người làm quan, phần nhiều tự cho là nguy, cùng nhau tan rã, thì kẻ hiếu sự, dễ nhân thế mê hoặc lòng người. (70)

70. *DNTLCB*, VI, V, 37:1885-1886, 1977:233-234.

Các đơn vị lính tập cũng bị các cấp chỉ huy của họ miệt thị, rẻ rúng và hoài nghi. Tướng E Bevin, chẳng hạn, nhận định:

Mang tiếng bảo vệ dân lành, lính tập bắt dân chúng phải cung phụng nào gà, lợn, chuối, gạo.(71)

71. E. Bevin, *Au Tonkin, Milices et pirateries*, pp 10-11; Nguyễn Văn Phong 1971, p 228.

Bevin cũng chẳng mấy tin tưởng những tay súng bản xứ này, vì "Bọn lính tập thường là kẻ cướp ban đêm, và ban ngày chúng rất hăng hái truy kích những đồng ngũ của bóng tối." (72) Các nhân chứng khác cũng ghi nhận: "Lính cướp bóc, ăn giật ngay cả ở chợ búa." (73)

72. Bevin, op. cit., pp 10-11, 20; Nguyễn Văn Phong 1971. P 228.

73. C. Pâris, *Voyage d'exploration de Hué en Cochinchine*, p 122; J. Lafitte, *La vérité sur le Tonkin, l'Annam*, p 16; Nguyễn Văn Phong 1971, p 228.

Thực ra, chỉ nhờ chiến thuật du kích chiến mà một số lãnh tụ Cần Vương còn sống sót và cầm cự cho tới thập niên 1890.

1/1886: Pháp khởi công làm đường từ Đà Nẵng ra Huế để chuyển vận binh lính và tiếp vận.

27/1/1886: Nghị định tổ chức Nhà nước Bảo hộ xứ Annam và Tonkin. Tại Huế, có Tổng trú sứ [Résident général]. Trung và Bắc có Résident Supérieur (gọi là Thống sứ ở Bắc và Khâm sứ ở Trung).

**Paul Bert** (8/4-11/11/1886) được bổ nhiệm chức **Tổng trú sứ Annam-Tonkin** đầu tiên. **Tuyên bố ở Hạ Viện Pháp: "Tôi muốn chinh phục dân An Nam**



bằng bàn tay mở rộng và thanh gươm đeo bên hông."

31/1/1886: Tướng **Charles Warnet**: XLTV Tổng trú sứ; **Arthur Dillon**, Khâm sứ; và **Paulin Vial**, Thống sứ.

28/3/1886: Bert tới Sài Gòn. 2/4/1886: Bert tới Hà Nội. **8/4/1886: Bert chính thức nhận chức Tổng trú sứ** [tới ngày 11/11/1886]. 25/4/1886: Tướng Warnet rời Hà Nội. Gửi Petrus Ký ra Huế.

4/2/1886: Tết Bính Tuất [23/1/1887].

20/3/1886: Mignot kéo quân từ Hà Tĩnh hướng về Huế. 29/3/1886: Pháp chiếm Lào Kay.

22/4/1886: Lực lượng viễn chinh Pháp tại Bắc và Trung Kỳ lên tới hai sư đoàn:

- Sư đoàn Bộ binh do Tướng **E. Jamont** cầm đầu; Đại tá Kessler làm Tham mưu trưởng. Lữ đoàn 1 của Tướng Jamais, Lữ đoàn 2 của Thiếu tướng Mensier (vùng duyên hải Bắc Việt) và Lữ đoàn 3 của Thiếu tướng Munier (phụ trách vùng Huế).

- Sư đoàn Hải quân do Đại tá **Beaumont** chỉ huy, gồm 41 tàu chiến, đóng ở Kép.

5/1886: Nguyễn Phước Biện cho phép các quan dùng **xe tay** thay **kiệu**.

**3/6/1886: Nguyễn Phước Biện lập chức Kinh lược Bắc Kỳ**, có toàn quyền thay mặt triều đình xử lý mọi việc.

\* Bert thành lập Phòng thương mại Hà Nội và Hải Phòng.

17/6-5/9/1886: Nguyễn Phước Biện được phép du ngoạn các tỉnh miền Bắc Trung Kỳ (10H xxx [8]).

20/6/1886: Filippini làm Thống đốc Nam Kỳ [tới ngày 22/10/1887].

9/1886: Tờ *Le courrier d'Haiphong* ra số đầu tiên.

9/1886: Pháp mang quân đánh dẹp ở Bình Thuận. 26/6/1887: Pháp ký với nhà Thanh một qui ước về biên giới Trung Hoa và Bắc Kỳ.

**: Bert chết.** Paulin Vial lên XLTV. Nhưng Vial vẫn XLTV. 1/1/1887: Thành lập Ngân sách Trung - Bắc Kỳ. **29/1/1887: Bihourd tới Huế.**

1887: Lập trường dạy tiếng Pháp. Diệp Văn Cương làm Chương Giáo. Cương gốc người Hải Nam; lưu lạc qua miền Nam từ nhỏ.

26/6/1887: Pháp ký với nhà Thanh một qui ước về biên giới Trung Hoa và Bắc Kỳ.

8/1887: Pháp trả triều đình Huế hai tỉnh Bình Thuận và Khánh Hoà. Đồng Khánh cử **Phan Liêm** làm Tổng đốc; đề bạt **Nguyễn Thân** từ chức Sơn Phòng sứ Quảng Ngãi lên Khâm sai Tả trực kỳ.

9/1887: Nguyễn Duy Hiệu bị Nguyễn Thân bắt sống, xử tử ở Quảng Nam. Vợ con bị phát lạc làm nô lệ ở Quảng Ngãi và Bình Định.

11/9/1887: Raoul Berger XLTV Tổng trú sứ từ ngày 13/9/1887.

**17/10/1887**: Thành lập Liên bang Đông Dương (L'Union Indochinoise) và đặt chức **Toàn quyền**. Có nhiệm vụ điều động Tổng trú sứ ở Huế, Thống đốc Sài Gòn, và Tổng trú sứ ở Cao Miên.

- Annam và Tonkin không còn tùy thuộc Bộ Ngoại Giao nữa, mà thuộc Bộ HQ & TĐ.

**2/11/1887**: **Etienne Richaud** làm **Tổng trú sứ**; nhưng không đáo nhậm nhiệm sở (22/4/1888: XLTV Toàn quyền).

**9/11/1887**: **Dân biểu Jean Antoine Ernest Constans** được **bổ nhậm làm Toàn quyền tạm thời**.

22/4/1888: Richaud, Tổng trú sứ Huế, tạm thay Constans làm Toàn quyền Đông Dương [chính thức hoá ngày 8/9/1888]. 8/9/1888: Richaud chính thức làm Toàn quyền.

**29/4/1888**: **Eusèbe Parreau** làm **Thống sứ Bắc Kỳ**.

25/6/1888: Parreau được cử làm XLTV Tổng Trú sứ.

**9/1888**: Bộ Ngoại giao Mỹ đồng ý việc mở văn phòng đại diện thương mại ở Sài Gòn. Cử Aimée Fonsales làm Đại diện thương mại (Commercial Agent).

\* Huế: Rheinart được cử làm Khâm sứ Huế; nhưng chỉ nhiệm chức từ tháng 11/1888.

A. SỰ SUY THOÁI CỦA PHONG TRÀO CẢN VƯƠNG:

Nhận hiểu tình hình tuyệt vọng—sau khi các cứ điểm quan trọng của phong trào Cần Vương bị phá vỡ, hầu hết các lãnh tụ địa phương đã bị giết, cầm tù, hay ra đầu thú—năm 1888, Tôn Thất Thuyết cùng một nhóm thân tín, do Đèo Văn Trí hướng dẫn, trốn qua Hoa Nam cầu viện. Thuyết nhờ Lưu Vĩnh Phúc móc nối với các giới chức nhà Thanh, nhưng triều đình Thanh từ chối giúp đỡ. Ngay các quan địa phương ở vùng Luỡng Quảng cũng quay mặt làm ngơ. Ba năm sau, Pháp liên lạc với Trung Hoa, xin chỉ định cư trú Thuyết ở Liễu Châu. Sáu năm sau nữa, chuyển qua Triều Châu, gần Quảng Châu. Pháp trả chi phí mỗi tháng 43 lạng vàng. Ngày 28/6/1913, qua đời ở Quảng Châu. Tài liệu Pháp ghi nhận năm 1915 Thuyết còn lại những người thân cận sau: vợ, Nguyễn Du Thị; hai con, Nguyễn Bảo, tức Nguyễn Thiên Đường (24 tuổi) và Nguyễn Á Cản (12 tuổi); Chính Đô Thống Trần Xuân Soạn (69 tuổi) cùng hai con Trần Xuân và Trần Tài; cựu Đô Đốc Cao Đạt (61 tuổi). (74)

74. CAOM (Aix), Papiers d'Agents, PA 13; Chính Đạo, *VNNB, tập III: Nhân Vật Chí*, tái bản lần thứ nhất, có bổ sung (1997). Lãnh tụ Cải Lương Quảng Nam, Phan Chu Trinh, từng ghé qua Sa Hà gặp Cường Để, Lưu Vĩnh Phúc trước khi qua Nhật; nhưng Phó bảng Phan—người phát cờ tiên phong cho chủ nghĩa Cộng Hòa [Republicanism]—công khai chống chế độ quân chủ, và từng gọi vua Nguyễn là “dân tộc độc phu.”

Tại nội địa, vua Nguyễn Phước Minh bị cô lập dần trong khu vực dân Mường ở vùng núi tây Bắc Trục và Hữu Trục kỳ (Thanh-Nghệ-Tĩnh).

Sự tàn lụn của phong trào Cần Vương có nhiều nguyên do. Lý do thứ nhất là phong trào này nhiều tính cách tự phát, hơn có tổ chức chặt chẽ. Bởi thế, ngoại trừ liên minh tam tỉnh ở đất Bắc vào tháng 10/1885, các tổ chức nặng tính cách địa phương, cục bộ. Mỗi lãnh tụ sĩ phu là một tổ chức, với những người thân cận, hoặc cùng quê, cùng trường.

Lý do thứ hai là vũ khí thô sơ. Họ không đủ khả năng trực diện với các cánh quân chính qui Pháp, và ngay cả các đơn vị lính tập hay quan binh triều đình.

Lý do thứ ba là thiếu sự ủng hộ của đại đa số dân chúng. Phong trào Cần Vương tự bản căn là một phong trào của giới nho học. Đại đa số quần chúng—trước cảnh chiến tranh điêu tàn, đồ nát hàng thập niên từ thập niên 1850, cùng những hành vi cướp bóc, hãm hiếp, đốt phá của các phe đảng, và ngay cả quan binh cũng như lính Pháp và cộng sự viên—rút vào thể thụ động cô hữu của nông dân. Nhu cầu sinh tồn lớn hơn nhu cầu chính trị. Một số lãnh tụ Cần Vương lôi kéo được đám người nghèo khổ, hay các cá nhân quyền thế tại địa phương, nhưng việc tuyển mộ tân binh, cán bộ, tiếp tế lương thực rất hạn hẹp. ***Cả hai phe Cần Vương và lính Pháp đều tàn bạo như nhau.***

Lý do thứ tư là "thiên mệnh" của nhà Nguyễn, kể từ vua Nguyễn Phước Thời, đã soi mòn. Chuyến xuất giá của Nguyễn Phước Minh là ngọn lửa rơm vương quyền bùng lên lần chót—bị dập tắt bởi ngay chính Từ Dụ Thái Hoàng Thái hậu cùng một số Hoàng tử, vương tôn tại Huế để bảo vệ quyền lợi chung của hoàng gia. Hồ sơ hiếu hòa của Miên Trinh, chẳng hạn, đã bắt đầu từ thập niên 1880, nếu không phải sớm hơn. Ngay chính Nguyễn Phước Thời, từ đầu thập niên 1860, cũng chỉ cầu hòa. Những Miên Định, Miên Lâm, hay Hường Hưu, Ứng Chơn, Ứng Kỹ, và Bửu Lân, Bửu Đảo sau này không hề đi ra ngoài trào lưu chủ hòa.

Lý do thứ năm là chính sách thực tiễn và uyển chuyển của người Pháp. Mặc dù tại chính quốc, Ki-tô giáo đang mất dần ngai vị độc tôn, tại Đại Nam các viên chức hành chính và quân sự Pháp đã lôi kéo sự yểm trợ của các giáo sĩ Pháp và những giáo dân tham vọng hoặc cuồng tín. Puginier, Giám mục Tây Đường Ngoài, trở thành một thứ quốc sư không chính thức của tất cả các quan chức Pháp. Puginier và các đồng liêu cũng không ngần ngại sử dụng bạo lực, dưới danh nghĩa "tự vệ" hay "thánh chiến." Ngay những người nổi danh "đánh phá giáo hội một cách điên cuồng" như Tổng Trú Sứ Paul Bert (8/4-12/11/1886) cũng phải—dưới ngòi bút Colombert—"cúp cái đuôi bài đạo" tại Đại Nam.

Riêng với các sĩ phu và vua quan Việt, Puginier chẳng mong ước gì hơn thấy họ ngưng hiện hữu, thay thế bằng giáo dân Ki-tô—những thành phần mà Puginier kiêu hãnh kể công với các viên chức Pháp từng

chỉ điếm, mật báo, giúp Pháp tìm thấy thủ cấp Rivière, và bằng hữu chân thành, khả tín duy nhất mà lực lượng viễn chinh Pháp có thể tìm được tại An Nam. Chính từ nguồn cung cấp chỉ điếm, mật báo này người Pháp đã có được những thông ngôn tin cậy nhất từ Nam ra Bắc, những lính tập, bồi bếp, và những thôn xóm phen dầu quanh các đồn binh, từ Chợ Quán (Gia Định) tới đồn Minh Cầm (Hà Tĩnh).

Tượng đài hùng vĩ của tân trào trong thập niên 1860 tại Sài Gòn như Petrus Key, Paulus San, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Trường Tộ bắt đầu được tiếp nối bằng những thông ngôn lừng lẫy khác như Nguyễn Hoàng, Diệp Văn Cương, Ngô Đình Khả, Nguyễn Hữu Bài, v.. v... ở miền Bắc và miền Trung. Trong khi đó, những Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, Cao Xuân Dục, Lê Hoan, Trần Đình Lương, Vũ Văn Báo v.. v... tiếp nối chiến công của những Trần Bá Lộc, Đỗ Hữu Phương, Huỳnh Công Tấn tại Nam Kỳ lục tỉnh trong thập niên 1860 và 1870 tại An Nam và Bắc Kỳ.

#### B. NGUYỄN PHƯỚC MINH BỊ BẮT:

Từ sau ngày Tôn Thất Thuyết chạy qua Hoa Nam, Nguyễn Phước Minh lưu lạc đó đây trong vùng sơn cước Hà Tĩnh và Quảng Bình. Lực lượng bảo vệ vua là một số đầu mục người Mường.

Ngày 13/10/1888, Đại úy Boulanger, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 An Nam đóng tại đồn Đồng Cả (Thanh Hoá), viết thư dụ hàng Trương Quang Ngọc, một thổ hào Mường đã được Nguyễn Phước Minh phong chức Lãnh binh. Boulanger hứa sẽ thăng chức cao hơn chức Nguyễn Phước Minh cho, bảo đảm làng Thanh Lãng của Ngọc sẽ được sống trong hoà bình. Ngoài ra, sau khi về hàng, Nguyễn Phước Minh sẽ được về với anh và mẹ; Nguyễn Phước Minh sẽ được an toàn, không có gì phải sợ hãi. Boulanger hẹn sẽ tới Thanh Lãng trong vòng 12 ngày để nói chuyện với Ngọc.

Năm ngày sau, 18/10, Lãnh Binh Ngọc hàng Đại úy Boulanger. Ngọc mang theo Nguyễn Đình Tinh, một xuất đội đã hàng Pháp từ lâu, Cao Viết Dung, Đinh Văn Xuân, Đinh Văn Châu và 10 cu-li làng Thanh Lãng tới chỗ vua đồn trú. Tôn Thất Hợp [Hiệp, có thông tin là Thiệp], con trai Tôn Thất Thuyết, rút gươm chống cự thì bị giết. Ngọc tịch thu của nhà vua một [1] kiếm lệnh,

một [1] tráp giấy tờ, năm [5] thoi bạc, bốn [4] lượng bạc, mười một [11] tiền [sapèque] vàng lớn, 63 tiền vàng nhỏ. Ngày 1/11, Ngọc giao vua cho Boulanger.(75)

75. CAOM (Aix), GGI, dossiers 9569, 9573, và 10H xxx [23]; *DNTLCB*, VI, XI, 38:1886-[1889], 1978:140-42, 155-56. Ngọc sau này được cử làm Lãnh binh Khánh Hòa; *Ibid.*, 1978:155-56. Cuối cùng, trở lại Thanh Lãng. Về cái chết của Tôn Thất Hợp, Pháp tung tin thấy Hợp vung kiếm định đâm chết Nguyễn Phước Minh, nên bọn Ngọc phải cứu vua, giết Hợp. Tôn Thất Đạm, anh Hợp [Thiệp], đang hoạt động ở một nơi khác. Sau này, Đạm tự tử để tạ lỗi việc Nguyễn Phước Minh bị bắt.

13/10/1888: Đại úy Boulanger, trưởng đồn Đồng Cả (Thanh Hoá) viết thư dụ hàng Trương Quang Ngọc, một thổ hào người Mường:

- sẽ thăng chức cao hơn chức Hàm Nghi cho (Lãnh Binh).

- làng Thanh Lãng sẽ được sống trong hoà bình.

- sau khi về hàng, phải dẫn Hàm Nghi về với anh và mẹ; Hàm Nghi sẽ được an toàn, không có gì phải sợ hãi.

- trong vòng 12 ngày sẽ tới Thanh Lãng để nói chuyện với Ngọc (CAOM [Aix], 9569).

18/10/1888: Ngọc hàng Đại úy Boulanger, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 An-nam.

1/11/1888: Ngọc bắt Nguyễn Phước Minh (*DNTLCB*, VI, XI, 38:140-2; Aix, 9573, 9569). Ngọc mang theo Nguyễn Đình Tinh, Cao Viết Dung, Đinh Văn Xuân, Đinh Văn Châu và 10 cu-li làng Thanh Lãng. Tịch thu của nhà vua: 1 kiếm lệnh, 1 tráp giấy tờ, 5 thoi bạc, 4 lượng bạc, 11 tiền [sapèque] vàng lớn, 63 tiền vàng nhỏ.

6/11/1888: Khâm sứ báo tin Nguyễn Phước Minh bị bắt ở Đồng Cả.

15/11/1888: Tổng trú sứ muốn đón tiếp linh đình vì nhà vua đã bỏ bọn làm loạn.

16/11/1888: Toàn quyền cho lệnh đưa Nguyễn Phước Minh/Ứng Lịch vào Thuận An ngày 22/11 để nhận diện.

23/11/1888: Tổng trú sứ báo cáo đã cùng 2 Cơ Mật và 1 phụ đạo ra Thuận An nhận diện Nguyễn Phước Minh. Sau đó, vua sẽ vào Đà Nẵng.

23/11/1888: Richaud hỏi ý kiến Rheinart ở Huế: Tổng trú sứ Parreau đề nghị cho Nguyễn Phước Minh ở Sài Gòn, được tự do, và có thể cho trở lại Huế, nếu vua chịu viết thư kêu gọi mọi người ngưng chống Pháp. **Richaud nghĩ rằng khó mà để Nguyễn Phước Minh "tự do" ở Sài Gòn.**

\* Huế: Rheinart cho rằng tuyên cáo của Nguyễn Phước Minh không ích lợi gì (Aix, 9569).

24/11/1888: Nguyễn Phước Minh xuống tàu Comète vào Sài Gòn. 28/11/1888: Hàm Nghi tới Sài Gòn (Aix, 9569).

12/12/1888: Richaud yêu cầu Bộ Thuộc địa cho lệnh Algérie đối xử lịch sự với Nguyễn Phước Minh, vì có thể đưa Nguyễn Phước Minh về nước nếu Đồng Khánh chết.

13/12/1888: Nguyễn Phước Minh xuống tàu Biên Hoà qua Algérie. Chủ Nhật, 13/1/1889: Hàm Nghi tới Alger với 1 thông dịch viên và 2 người hầu (Thư, 27/1/1889, Gougal Algérie [Tirman] gửi Gougal Indo; Aix, 9569). Ở tại l'Hôtel de la Régence 10 ngày: 1,100 quan. Sau qua la Villa des Pins cách Alger 5 cây số. Pháp cử 1 người đàn bà làm quản gia, kiêm nhiệm vụ kiểm soát nhà vua.

21/1/1889: Mẹ Nguyễn Phước Minh, Phạm Thị Nhàn, chết. [*Xem thêm Ứng Lịch*]

Thời gian này, Pierre P Rheinart des Essarts (8/9/1888-4/5/1889) vừa trở lại Huế làm Khâm sứ. Ngày 6/11, Rheinart chính thức báo tin Nguyễn Phước Minh đã bị bắt ở Đồng Ca.

Tổng Trú sứ Eusèbe I Parreau (25/6/1888-11/1888) muốn đón tiếp linh đình vì nhà vua đã bỏ bọn làm loạn, và cho lệnh đưa Nguyễn Phước Minh vào Thuận An ngày 22/11 để nhận diện—vì diện mạo, hình vóc vua đã thay đổi, vua lại không nhận mình là Nguyễn Phước Minh, chỉ có một cựu quan chức lo việc nuôi ăn vua ở huyện Tuyên Hóa khẳng định tù nhân của Trương Quang Ngọc là “Xuất đế.” Ngày 23/11, Parreau cùng hai [2] Cơ Mật đại thần và một [1] phụ đạo ra Thuận An nhận diện Nguyễn Phước Minh.

Mặc dù vua tiếp tục cả quyết mình không phải là Nguyễn Phước Minh, người Pháp vẫn khám phá ra chân tướng vua. Ngay sau đó, vua được chuyển vào Đà Nẵng chờ lệnh. Parreau muốn cho Nguyễn Phước Minh ở Sài Gòn, được tự do, và có thể cho trở về Huế, nếu vua đồng ý viết thư kêu gọi mọi người ngưng chống Pháp. Nhưng Toàn quyền Etienne A G Richaud không muốn để Nguyễn Phước Minh "tự do" ở Sài Gòn và cần gửi đi một thuộc địa khác. Khi được Richaud hỏi ý, tân Khâm sứ Rheinart des Essarts cũng cho rằng tuyên cáo của Nguyễn Phước Minh chẳng ích lợi gì.

Hôm sau, 24/11, Nguyễn Phước Minh xuống tàu *Comète* vào Sài Gòn. Tới Sài Gòn ngày 28/11, vua bị tạm giữ trong một trại binh. Sau đó, bị giáng xuống hàng Công, lấy lại tên cũ là Ứng Lịch, chờ đầy qua Algérie.

Theo *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, thoát tiên Nguyễn Phước Biện [Đông Khánh] có vẻ chấp nhận cho em trai trở lại Huế như đã từng hứa. Sau khi Pháp quyết định đầy Nguyễn Phước Minh, Nguyễn Phước Biện xuống Dụ:

Công ấy hiện nhân khí lam chướng, tích thành cố tật, nước ta chữa chạy sợ không được khỏi, quý đại thần rất không yên tâm, chi bằng danh y ở quý quốc học thuật giỏi hơn, nên giao cho quý quan đưa về quý quốc, chọn nơi nuôi nấng giữ gìn, ngày thêm thuốc chữa, quyết hẳn sớm yên, sẽ lại đưa về, xin đừng quan ngại, các ý như thế, quý quan kính yêu như thế là tốt lắm, trăm cũng lấy làm may... (76)

76. *ĐNTLCB*, VI, XI, 38:1886-[1889], 1978:143.

Ngày 12/12/1888, Etienne A G Richaud gửi công điện yêu cầu Bộ Thuộc địa cho lệnh Algérie đối xử lịch sự với Ứng Lịch (Hàm Nghi), vì có thể đưa cựu hoàng về nước nếu Nguyễn Phước Biện chết. Hôm sau, 13/12, Ứng Lịch xuống tàu *Biên Hoà* qua Algérie cùng một thông dịch viên và hai người hầu. Rời Sài Gòn ngày 13/12/1888, cựu hoàng tới Alger đúng một tháng sau. Nhưng bị đối xử như một tù nhân chính trị, và đặt dưới quyền giám thị của một nữ quản gia. Sau này thành hôn với Marcelle Laloe, và sinh được ba con là Như Mai (1905), Như Luan(?), 1908) và Minh Đức (1910). (77)



77. Báo cáo ngày 15/10/1891 của Trần Bình Thanh; CAOM (Aix), 20H 13. Về hậu duệ của Ứng Lịch, xem thêm Nguyễn Xuân Thọ 1990, tr. 418-419.

Từ ngày này, vua biến khỏi sân khấu quyền lực Đại Nam, trở thành biểu tượng một anh hùng dân tộc. Chúng ta sẽ trở lại với vị vua đầy huyền thoại này trong một chương sau.

Tuy nhiên, mọi sự không diễn biến theo ý muốn của những người yêu quý và kính trọng Nguyễn Phước Minh. Hơn một tháng sau, Nguyễn Phước Biện đột ngột từ trần ở tuổi 25 vì chứng bệnh “lao tủy sống.” Rheinart đưa “Bửu Lâm,” con nuôi nước Pháp lên thay. Ngày 10/5/1889, Rheinart rời Huế, Seraphin Hector (10/5/1889-27/10/1891) lên thay. Huế sẽ đón nhận nhiều Tổng Trú Sứ, rồi Khâm sứ mới như Ernest Brière (27/10/1891-12/4/1894, 28/5/1895-4/2/1898), Leon J P Boullouche (4/2/1898-29/3/1900), Jean C J Auvergne ([29/3/1900]-1/5/1901-11/1/1902, 2/5/1903-4/12/1903, 2/4/1806-25/8/1908), Ferdinand Levecque, Jean Groleau (11/1/1909-21/2/1911), v.. v.. Người kế vị Nguyễn Phước Biện là Nguyễn Phước Chiêu cũng bị ép thoái vị, nhường ngôi cho con thứ là Nguyễn Phước Hoảng. Nhiều Toàn quyền đến, rồi đi. Ứng Lịch cũng cải biến từ một vua kháng chiến thành một tù nhân tước công với cuộc sống khá vui vẻ với một bà vợ người Pháp, bày con thông minh, và thú giải trí máy ảnh. Khi chiến tranh thứ nhất bùng nổ, cựu hoàng cho phép giới chức Pháp toàn quyền khai thác lá thư khẳng định sự trung thành của cựu hoàng.